

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn
KIDO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Công ty: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn KIDO

Trụ sở chính: 138 – 142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Q1, TP.HCM

Điện thoại: 08.38270468

Fax: 08.38270469

Người thực hiện công bố thông tin: KELLY YIN HON WONG

Địa chỉ: 138 – 142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Q1, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08.38270468

Fax: 08.38270469

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố (*):

Thay đổi hình ảnh trên Báo cáo thường niên 2015 của công ty.

(*): - Đối với công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép thành lập và hoạt động/...; Điều lệ; Quy chế Quản trị Công ty ***có thay đổi/điều chỉnh***, cần ***nêu rõ nội dung các thay đổi/điều chỉnh*** so với lần công bố thông tin trước;

- Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố, cần ***giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế***.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 22 tháng 04 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin



KELLY YIN HON WONG





Nội dung

- 04 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 06 Báo cáo của Tổng Giám đốc

08 TĂNG TRƯỞNG từ ngành hàng mới

- 10 Tầm nhìn
- 11 Sứ mệnh
- 12 Ban lãnh đạo - Hội đồng Quản trị
- 16 Ban lãnh đạo - Ban Kiểm soát
- 17 Ban lãnh đạo - Ban Giám đốc
- 18 Cơ cấu cổ đông
- 19 Giao dịch của người có liên quan

20 Thực thi CHIẾN LƯỢC TỐT, tạo lợi thế cạnh tranh

- 22 Mô hình kinh doanh
- 24 Định hướng chiến lược
- 26 Chiến lược Tập đoàn

30 KHẢ NĂNG dẫn dắt ngành dầu ăn

- 32 Môi trường hoạt động
- 34 Số liệu tổng quan
- 36 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 38 Giá cổ phiếu
- 40 Báo cáo chiến lược Marketing

46 BỆ PHÓNG MỚI trên nền tảng hệ thống vững chắc

- 48 Cấu trúc kiểm soát hoạt động
- 52 Quản trị rủi ro
- 53 Các rủi ro chính
- 55 Trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp

60 Cam kết TĂNG TRƯỞNG

- 62 Thông tin chung
- 64 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 65 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 67 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 69 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 70 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 72 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



6 Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt chuyển đổi của KIDO, chúng tôi tiếp tục nâng cao vị thế dẫn đầu trong ngành kem và sữa chua đồng thời tung thành công các sản phẩm dầu ăn, mì gói và gia vị để thâm nhập lĩnh vực thực phẩm thiết yếu.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Trang sử mới của KIDO đã mở ra, đánh dấu bằng sự kiện Tập đoàn chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (tên tiếng Anh là KIDO Group) sau khi chuyển giao mảng bánh kẹo và gia nhập ngành hàng Thực phẩm & Gia vị. Tên gọi mới này thể hiện quyết tâm của chúng tôi đối với mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh, chinh phục thị trường thực phẩm thiết yếu, theo đúng chiến lược đã thông qua Quý cổ đông trong các năm vừa qua.

Cùng với sự nỗ lực của đội ngũ nhân viên, sự ủng hộ của người tiêu dùng, sự tin tưởng, đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư đối với chiến lược phát triển mới, KIDO sẽ tiếp tục duy trì và nâng tầm vị thế Tập đoàn Thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam đồng thời sẵn sàng mở rộng ra thị trường quốc tế. Những giá trị và cam kết của KIDO đã hình thành trong suốt quá trình lịch sử kể từ khi thành lập đến nay sẽ tiếp tục được phát huy: cam kết hành động vì lợi ích cao nhất của người tiêu dùng, đối tác, nhà đầu tư, cổ đông và cộng đồng, xã hội. Đó chính là những yếu tố cốt lõi tạo nên thành công của KIDO và cũng là nền tảng thúc đẩy sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của Ban lãnh đạo trong giai đoạn này chính là mở rộng quy mô kinh doanh sang ngành hàng thiết yếu. Với sự hỗ trợ và định hướng từ Hội đồng Quản trị, chúng tôi đã vạch rõ các trọng tâm trong giai đoạn chuyển đổi và xây dựng mô hình thực thi 5C: **Người tiêu dùng (Consumer), Ngành hàng (Category), Kênh phân phối (Channel), Mở rộng ra các nước (Country) và Vốn (Capital)**. Mô hình 5C là trọng tâm trong giai đoạn phát triển mới của Tập đoàn, đóng vai trò quan trọng giúp chúng tôi hoàn thành mục tiêu chiến lược: tiếp cận đến nhiều người tiêu dùng hơn (từ 50 triệu người tiêu dùng Việt Nam đến 600 triệu người tiêu dùng Đông Nam Á) bằng cách thâm nhập các ngành hàng mới (thực phẩm thiết yếu) phục vụ người tiêu dùng thường xuyên hơn với nhiều lựa chọn sản phẩm hơn (là thương hiệu không thể thiếu trong bữa ăn và bếp gia đình), tổ chức lại kênh phân phối để đưa các sản phẩm mới này đến tay nhiều người tiêu dùng một cách thường xuyên hơn. Đây là sự dịch chuyển quan trọng trong cách tiếp cận so với mô hình mà chúng tôi đã áp dụng trong suốt các năm qua, đòi hỏi phải tái phân bổ vốn một cách hiệu quả từ việc tập trung vào quá trình Chuyển đổi Giá trị sang quá trình Hình thành Giá trị.

Hoàn thành các giai đoạn của quá trình tái cấu trúc, KIDO bước vào giai đoạn phát triển mới: **"Chuẩn bị để tăng trưởng"**. Mục tiêu của giai đoạn này chính là nâng cao nền tảng hệ thống hiện tại để hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi đã xác định trong mô hình 5C. Song song đó, chúng tôi vẫn tiếp tục thực hiện cam kết doanh thu, lợi nhuận nhằm đảm bảo khả năng

mang lại giá trị cho cổ đông của các hoạt động kinh doanh hiện tại. Do đó, thách thức đặt ra cho Ban lãnh đạo là phải hoàn thành mục tiêu chiến lược trong quá trình chuyển đổi của tổ chức, đồng thời phải bảo đảm được khả năng tăng trưởng và sinh lợi nhuận của các mảng kinh doanh hiện tại. Nhiệm vụ đầy thử thách, tuy nhiên với việc tập trung đẩy mạnh thực thi xoay quanh 3P: **Con người (People), Sản phẩm (Product), Hệ thống (Platform)**, chúng tôi hoàn toàn tự tin sẽ triển khai thành công các mục tiêu của Tập đoàn trong giai đoạn này.

Thâm nhập lĩnh vực thực phẩm thiết yếu nghĩa là chúng tôi đang tham vọng chinh phục thị trường có quy mô lên đến 193.500 tỷ. Chúng tôi cũng xác định được những thách thức, khó khăn mà Tập đoàn phải vượt qua trong những năm đầu sau khi dịch chuyển từ lĩnh vực Bánh kẹo sang lĩnh vực Thực phẩm & Gia vị.

Sự am hiểu khẩu vị người Việt, kinh nghiệm trong lĩnh vực thực phẩm và nền tảng vận hành vững mạnh đã được bền bỉ xây dựng và hoàn thiện trong suốt 23 năm qua sẽ là đòn bẩy tạo lợi thế cạnh tranh cho KIDO trong lĩnh vực này. KIDO đã và đang thực hiện đúng cam kết mang đến lợi nhuận cho cổ đông như chúng tôi vẫn luôn hoàn thành từ khi cổ phiếu Công ty niêm yết lần đầu vào năm 2005. Kể từ khi lên sàn, lợi nhuận đầu tư vào cổ phiếu KDC đã tăng 257,4%. Trong năm 2015, giá cổ phiếu giảm 14,7% nhưng với mức cổ tức đặc biệt 20.000 đồng/cổ phần và việc mua lại 29,5 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, tổng giá trị mà KIDO mang đến cho cổ đông đạt mức 6.257 tỷ so với 862 tỷ của năm 2014.

Năm 2015 thực sự là năm bản lề cho giai đoạn mới của KIDO với nhiều thay đổi và sự kiện đặc biệt. Tôi chắc chắn rằng những năm tiếp theo sẽ là giai đoạn với những cột mốc đánh dấu sự tăng trưởng. Nhìn lại chặng đường lịch sử phát triển của KIDO, đặc biệt là trong năm 2015 vừa qua, tôi cảm ơn và trân trọng sự ủng hộ, tin tưởng và hợp tác bền chặt của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, đội ngũ CBCNV, Đối tác, Nhà cung cấp, Nhà phân phối... Sự đồng hành của Quý vị là nguồn động lực to lớn góp phần quan trọng trong sự thành công của KIDO. Tôi mong rằng Quý Cổ đông vẫn giữ vững niềm tin, sát cánh cùng KIDO để đi đến những thành công mới, những dấu mốc quan trọng mới trong chặng đường tiếp theo.

Xin kính chúc Quý Cổ đông dồi dào sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tập đoàn KIDO



Trong năm qua, KIDO đã chuyển mình thành Tập đoàn Thực phẩm thiết yếu và chuyển dịch mô hình kinh doanh tập trung vào quá trình Hình thành Giá trị.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Chúng ta vừa trải qua năm 2015 - một năm nền kinh tế phục hồi tích cực. Sự gia tăng tiêu dùng nội địa và nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường ngoài nước khiến tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cuối cùng cũng vượt qua giai đoạn âm đạm trong bốn năm liên tiếp, tăng 6,7% so với năm 2014 trong khi lạm phát được giữ dưới mức 0,6%. Mặc dù được hưởng những thuận lợi từ môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm thiết yếu vẫn phải đối mặt với những thách thức to lớn.

Đối với KIDO, đây là năm tập trung vào việc điều chỉnh nền tảng hệ thống, chuẩn bị để tăng trưởng và thâm nhập sâu hơn vào ngành hàng thiết yếu theo chiến lược Thực phẩm & Gia vị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tôi vui mừng thông báo rằng KIDO đã thâm nhập thành công vào 03 ngành hàng, bao gồm dầu ăn, mì ăn liền và gia vị với các sản phẩm dưới thương hiệu Đại Gia Đình. Đồng thời, chúng tôi cũng nâng cao vị thế dẫn đầu của mình trong ngành kem và các sản phẩm từ sữa và không ngừng mở rộng danh mục sản phẩm với hàng loạt sản phẩm mới, trong đó có sản phẩm sữa chua đá. Về kết quả kinh doanh, doanh thu thuần của KIDO đạt mức 3.140 tỷ đồng, vượt 4,7% kế hoạch, mặc dù hoạt động của mảng bánh kẹo chỉ được hợp nhất vào nửa đầu năm 2015. Lợi nhuận gộp đạt 1.175 tỷ đồng, tương đương với tỷ số lợi nhuận gộp 37,4% cho cả năm. Chi phí bán hàng năm 2015 của KDC chiếm 28,6% doanh thu thuần, cao hơn mức 24,5% năm 2014, chủ yếu là chi phí đầu tư cho thương hiệu Đại Gia Đình để ra mắt sản phẩm và đưa sản phẩm mới tiếp cận người tiêu dùng. Đại Gia Đình sẽ là thương hiệu của hàng loạt sản phẩm trong lĩnh vực thiết yếu KIDO. Do đó, khoản đầu tư ban đầu sẽ phát huy tính hiệu quả khi chúng tôi mở rộng ra các ngành hàng khác và tiếp tục tung ra các sản phẩm mới. Trong năm tới, KIDO sẽ lần lượt tung ra thị trường các sản phẩm dầu ăn, mì gói và thực phẩm đông lạnh ở các phân khúc. Những sản phẩm này sẽ giúp chúng tôi thỏa mãn nhu cầu của nhiều người tiêu dùng hơn và nâng cao tần suất phục vụ người tiêu dùng như mục tiêu đã xác định trong mô hình 5C.

Năm 2016, việc hội nhập Cộng đồng ASEAN (Asian Economic Community - AEC) sẽ góp thêm cơ hội cho Việt Nam hội nhập TPP (Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược

xuyên Thái Bình Dương) ở đẳng cấp cao hơn. Sẽ có cả cơ hội và thách thức đan xen, trong đó thách thức cũng có thể trở thành cơ hội mới. Trong bối cảnh đó, KIDO đã có vị thế vững vàng nhờ nền tảng vững chắc đã được xây dựng trong suốt hơn hai thập kỷ sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và xuất khẩu ra các nước trên thế giới. Nhận thấy rõ những hạn chế về tính mùa vụ của lĩnh vực kinh doanh trước đây, chúng tôi đã dành nhiều năm để xây dựng và củng cố nền tảng về sáng tạo, sản xuất và phân phối cho các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu. Đồng thời, chúng tôi cũng đã tìm kiếm các cơ hội kinh doanh và đầu tư ở khu vực Đông Nam Á.

Sau khi phân phối tổng cộng 6.257 tỷ cho cổ đông thông qua cổ tức và việc mua cổ phiếu quỹ, cuối năm 2015 KIDO vẫn còn 3.059 tỷ đồng tiền mặt. Chúng tôi vẫn tiếp tục tìm kiếm ngành hàng và doanh nghiệp phù hợp để đầu tư hoặc tiến hành hoạt động M&A nhằm thâm nhập sâu hơn vào ngành hàng Thực phẩm & Gia vị. Chúng tôi vô cùng thận trọng trong việc phân bổ nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động đầu tư hiệu quả, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

Năm 2015, với nhiều thay đổi và bước ngoặt quan trọng, Ủy ban Quản lý Điều hành (EMC) cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bao gồm việc điều chỉnh lại nền tảng hệ thống lẫn tung thành công các sản phẩm chiến lược, thâm nhập các ngành hàng mới, thực hiện mục tiêu phục vụ cho nhu cầu của nhiều người tiêu dùng hơn, với tuần suất phục vụ cao hơn.

Tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến đội ngũ CBCNV, Người tiêu dùng, Quý Nhà phân phối, Quý Nhà cung cấp, Quý Nhà đầu tư và Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng KIDO trong suốt những năm qua. Trên bước đường phát triển sắp tới, tôi mong Quý vị sẽ tiếp tục tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi và cùng hướng tới một năm 2016 nhiều thành công.

TRẦN LỆ NGUYÊN
Tổng Giám đốc - Tập đoàn KIDO

TĂNG TRƯỞNG

từ ngành hàng mới

Hướng đến phục vụ nhiều người tiêu dùng hơn, KIDO đã đẩy mạnh chiến lược “Thực phẩm & Gia Vị” với việc tung ra các sản phẩm dưới thương hiệu Đại Gia Đình.



thêm HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG

Trở thành một

TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM

uy tín tại Việt Nam và Đông Nam Á thông qua việc mang thêm nhiều hương vị đến cho khách hàng bằng những sản phẩm an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo.



NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của KIDO đối với người tiêu dùng là tạo ra những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả khách hàng để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.



ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của KIDO là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng thông qua các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Chúng tôi hướng tới mức lợi nhuận hài hòa cho các bên cải tiến các quy trình cho chất lượng và năng suất để tạo sự phát triển bền vững.



NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn ương mẫn và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy KIDO luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.



CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời tích cực tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Chúng tôi hướng đến trở thành tổ chức tiên phong cho sự phát triển của xã hội và mang tính cộng đồng cao.



CỔ ĐỒNG

Với cổ đông, sứ mệnh của KIDO là phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định và vững tin với các khoản đầu tư đem lại lợi ích mong đợi của cổ đông.

Ban lãnh đạo Hội đồng Quản trị



Ông TRẦN KIM THÀNH

Nhà sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO

Bằng sự quyết đoán trong chiến lược, sự sáng suốt trong điều hành kế hoạch kinh doanh, sự cẩn trọng trong quản lý rủi ro, cái tâm của nhà lãnh đạo trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh gắn kết với trách nhiệm cộng đồng, ông Trần Kim Thành đã đưa KIDO phát triển vượt bậc từ một doanh nghiệp gia đình nhỏ thành Tập đoàn Thực phẩm hàng đầu. Chiến lược lãnh đạo của ông tại KIDO là tạo ra một tập đoàn tốt nhất với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và quy trình vận hành hoàn hảo.

Ông Thành hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều tập đoàn tại Việt Nam. Ông còn là Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhận được rất nhiều bằng khen của Trung ương và địa phương về sự đóng góp cho nền kinh tế - xã hội của Việt Nam.



Ông TRẦN LỆ NGUYÊN

Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch HĐQT,
Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Ông Trần Lệ Nguyên là một doanh nhân thành đạt với những thành tích kinh doanh nổi bật. Dưới sự lãnh đạo và điều hành của ông, KIDO đã phát triển thần tốc trong suốt các năm qua, trở thành thương hiệu nổi tiếng nhất tại Việt Nam với chuỗi sản phẩm đa dạng, thống lĩnh thị trường. Ông là người đưa ra quyết định chiến lược khi mua lại nhà máy kem từ tập đoàn đa quốc gia, thành lập Công ty TNHH MTV KIDO và đã lãnh đạo phát triển thành công ty dẫn đầu thị trường ngành Kem hiện nay. Bằng sự am hiểu và nhạy bén tuyệt vời trong lĩnh vực chứng khoán và hoạch định chiến lược, ông đã thực hiện thành công hàng loạt các hoạt động M&A gây tiếng vang trong nhiều năm qua.

Hiện nay, ông Nguyên đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tập Đoàn KIDO. Ông còn là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ chức vụ quan trọng trong các công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



Bà VƯƠNG BỬU LINH

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Vương Bửu Linh hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Bà Linh là một trong những thành viên sáng lập, đã dẫn dắt và điều hành KIDO phát triển nhanh, vững chắc, vươn vai thành Tập đoàn Thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

Nhờ kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng, bà đã đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Tập đoàn và các công ty con nhờ việc hạ giá thành, ổn định chất lượng, nâng cao và duy trì sức cạnh tranh của sản phẩm. Với tư duy nhạy bén, bà Linh là người định hướng chiến lược ứng dụng hệ thống SAP/ERP cho toàn hệ thống KIDO, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, khả năng đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác, tạo nền tảng sức mạnh quản trị của Tập đoàn KIDO.



Bà VƯƠNG NGỌC XIÊM

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Vương Ngọc Xiêm là một trong những thành viên sáng lập, đã tham gia điều hành KIDO từ những ngày đầu thành lập. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý mảng hoạt động, đặc biệt là mảng bán lẻ của KIDO. Với kinh nghiệm quản lý và khả năng lãnh đạo nhạy bén, bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng của tập đoàn kể từ khi thành lập.

Hiện nay, bà là Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.

Ban lãnh đạo Hội đồng Quản trị



Ông WANG CHING HUA

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Ông TRẦN QUỐC NGUYÊN

Thành viên HĐQT, Tập đoàn KIDO
Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV KIDO

Ông NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO

Ông NGUYỄN VĂN THUẬN

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO

Ông NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO



Ông WANG CHING HUA

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Ông Wang Ching Hua có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến, sản xuất thực phẩm và là một trong những thành viên sáng lập giúp thiết lập nên hệ thống sản xuất của Tập đoàn. Từ đó đến nay, ông là nhân tố chủ chốt giúp phát triển và mở rộng quy mô sản xuất của KIDO trên toàn quốc.

Ông hiện nay là Thành viên HĐQT và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.



Ông TRẦN QUỐC NGUYÊN

Thành viên HĐQT, Tập đoàn KIDO
Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV KIDO

Ông Nguyễn có hơn 19 năm kinh nghiệm về quản lý và điều hành các công ty thành viên trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuộc Tập đoàn KIDO. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ như Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc các công ty thành viên trong Tập đoàn KIDO.

Ông hiện nay là Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO và Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV KIDO.



Ông NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO

Ông Chương được bầu vào Hội đồng Quản trị của KIDO từ năm 2013. Ông có bằng Thạc sĩ Luật chuyên về Luật Kinh doanh Quốc tế trường Đại học Luật Bristol (Anh).

Ông hiện là cố vấn của Luật Việt và là Tổng Giám đốc/ Đối tác quản lý của Phuoc & Co.



Ông NGUYỄN VĂN THUẬN

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO

Ông Nguyễn Văn Thuận là Tiến sĩ Kinh tế, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng, Đại học Mở TP. HCM. Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và rất am hiểu thị trường tài chính ngân hàng tại Việt Nam. Bên cạnh hoạt động chuyên môn tại Đại học Kinh tế TP. HCM và Đại học Mở TP. HCM, ông còn tham gia tư vấn và cố vấn tài chính cho nhiều công ty, các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Ông Thuận hiện là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO.



Ông NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tập đoàn KIDO

Ông Trí đã được bầu vào Hội đồng Quản trị của KIDO từ năm 2013. Ông có bằng Tiến sĩ, khoa Quản trị Doanh nghiệp Trường Đại học Công nghệ Nanyang – Singapore.

Ông đã công tác tại một công ty đường trực thuộc bộ Nông nghiệp và dạy tại Đại học Trident (California, Mỹ), khoa Kinh tế tại trường Đại học Risho (Tokyo, Nhật Bản), trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và một số chương trình liên kết khác tại Việt Nam.

Ban lãnh đạo Ban kiểm soát



Ông LƯƠNG QUANG HIỂN
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lương Quang Hiển có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị và giao dịch tài chính. Ông đã làm việc 12 năm tại Tập đoàn KIDO trong giai đoạn 1999 - 2011, phụ trách quản trị tài chính, quan hệ nhà đầu tư, và tham gia vào các dự án đầu tư cũng như tái cấu trúc. Bên cạnh vai trò trong Ban kiểm soát KIDO, ông Hiển còn là thành viên Hội đồng Quản trị của một số quỹ đầu tư và công ty khác như Quỹ VEOF, Tập đoàn Savico, Tập đoàn Tafoco.

Ông Hiển có bằng cử nhân Đại học Ngoại thương và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại Học Washington State, Hoa Kỳ.

Bà LƯƠNG MỸ DUYÊN
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Duyên công tác tại Tập đoàn KIDO từ năm 1993 qua các vị trí: Kế toán Tổng hợp, Phó phòng Kế toán, và Kế toán trưởng tại Tập đoàn KIDO. Năm 2006 đến nay, bà Duyên là Kế toán trưởng công ty Địa ốc KIDO. Bà Duyên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông VÕ LONG NGUYỄN
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Quản trị Kinh doanh, đạt Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và là một trong những nhà môi giới đầu tiên của thị trường OTC Việt Nam. Ông có nhiều kinh nghiệm về tài chính và đầu tư, tập trung chủ yếu vào thị trường vốn Việt Nam.

Ban lãnh đạo Ban Giám đốc



Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Liễu là Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành dầu ăn của Tập đoàn và là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam (Vocarimex). Bà có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó gần 20 năm nắm giữ các vị trí quan trọng về quản lý tín dụng, ngân hàng, tài chính tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà Liễu tốt nghiệp Cử nhân và đã hoàn thành xuất sắc luận án Tiến sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM. Bà Liễu vinh dự nhận bằng khen của Thủ tướng năm 2010 và nhận Huân chương Lao động hạng Ba năm 2012, bên cạnh nhiều thành tích khác.

Ông KELLY WONG
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Ông Kelly Wong đã sống và làm việc tại Việt Nam trên 10 năm. Ông tham gia vào KIDO vào năm 2011 phụ trách mảng đầu tư, tài chính kế toán tại Tập đoàn. Ông Kelly Wong có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học British Columbia tại Vancouver, Canada và bằng Quản trị khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Học viện Quản lý McRae tại Đại học Capilano.

Ông MÃ THANH DANH
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

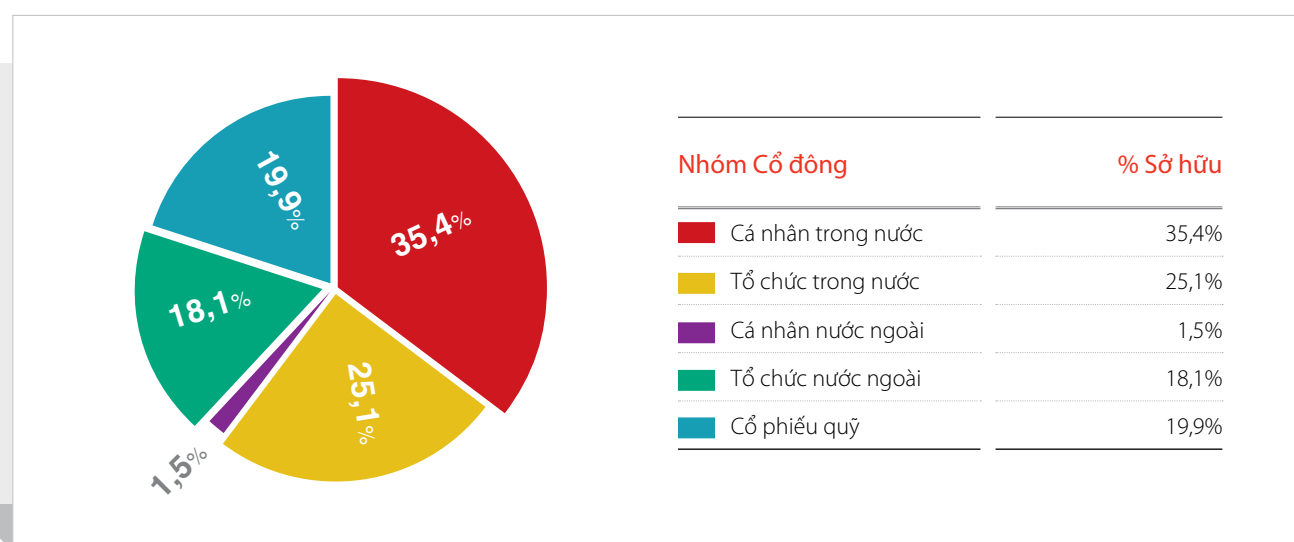
Ông Danh là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Ông tham gia vào Ban Giám đốc Tập đoàn từ năm 2013 và phụ trách mảng quản trị và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư ngành Điện, cử nhân Đại học Kinh tế ngành Quản trị Kinh doanh và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế và Quản trị Thương hiệu của Vương quốc Bỉ. Ông có trên 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài chính, tư vấn chiến lược và quản trị thương hiệu, tư vấn sáp nhập công ty.

Cơ cấu Cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Ngày 20/01/2016)

Nhóm Cổ đông	Số cổ phiếu	% Sở hữu	% Biểu quyết
Cá nhân trong nước	90.940.686	35,4%	44%
Tổ chức trong nước	64.382.323	25,1%	31%
Cá nhân nước ngoài	3.765.495	1,5%	2%
Tổ chức nước ngoài	46.572.637	18,1%	23%
Cổ phiếu quỹ	50.992.256	19,9%	-
Tổng	256.653.397	100,0%	100,0%



CỔ TỨC VÀ MUA CỔ PHIẾU QUỸ 2015

Ngày	Loại	Chi tiết
17/11/2015 - 16/12/2015	Mua cổ phiếu quỹ	Mua 29,5 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
11/08/2015	Cổ tức tiền mặt	Cổ tức đặc biệt 20.000 đồng/cổ phần
04/05/2015	Cổ tức tiền mặt	Tạm ứng cổ tức 2014: 1.000 đồng/cổ phần
11/12/2014 - 09/01/2015	Mua cổ phiếu quỹ	Mua 20 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ

Giao dịch của người có liên quan

GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện	Quan hệ	Sở hữu đầu kỳ	Sở hữu cuối kỳ	Hành động		
1	Trần Lệ Nguyên	Cổ đông nội bộ	14.713.317	6,3%	25.930.867	12,6%	Mua
2	Vương Bửu Linh	Cổ đông nội bộ	168.000	0,1%	2.000.000	1,0%	Bán, Mua
3	Trần Quốc Việt	Cổ đông nội bộ	80.327	0,0%	30.327	0,0%	Bán
4	Võ Long Nguyên	Cổ đông nội bộ	21.300	0,0%	-	0,0%	Bán
5	Lương Mỹ Duyên	Cổ đông nội bộ	3.000	0,0%	-	0,0%	Bán
6	Bùi Thanh Tùng	Cổ đông nội bộ	45.000	0,0%	-	0,0%	Bán
7	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Cổ đông nội bộ	-	0,0%	50.000	0,0%	Mua
8	Trần Tiến Hoàng	Cổ đông nội bộ	114.000	0,0%	52.000	0,0%	Bán
9	Trần Quốc Nguyên	Cổ đông nội bộ	913.207	0,4%	560.707	0,3%	Mua, Bán
10	Mai Xuân Trâm	Cổ đông nội bộ	45.007	0,0%	7	0,0%	Bán
11	Vương Ngọc Xiêm	Cổ đông nội bộ	7.004.403	3,0%	-	0,0%	Bán

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Sở hữu đầu kỳ	Sở hữu cuối kỳ	Hành động		
1	Vương Thu Lệ	Vương Ngọc Xiêm	11.008	0,00%	6.008	0,00%	Bán
2	Vương Ngan Hào	Vương Ngọc Xiêm	12.000	0,00%	-	0,00%	Bán
3	Vương Thu Bình	Vương Ngọc Xiêm	24.000	0,00%	4.000	0,00%	Bán
4	Vương Bửu Đình	Mã Thanh Danh	98.780	0,11%	105.780	0,05%	Bán
5	Vương Bửu Ngọc	Vương Bửu Linh	383.468	0,15%	23.400	0,01%	Bán
6	Vương Quốc Trụ	Vương Bửu Linh	4.456.286	1,89%	15.000	0,01%	Bán
7	Công ty TNHH Đầu Tư Vinh Linh	Vương Bửu Linh	-	0,00%	9.436.908	4,59%	Mua
8	Công ty TNHH Đầu Tư Kim Gia Hân	Vương Ngọc Xiêm	-	0,00%	7.200.000	3,50%	Mua

Thực thi **CHIẾN LƯỢC** tốt tạo lợi thế cạnh tranh

KIDO đã tạo nền tảng vững chắc cho việc thâm nhập vào thị trường mới trong khi tiếp tục đẩy nhanh, mở rộng những mảng kinh doanh hiện có.



**QUY TRÌNH
CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ
& HÌNH THÀNH
GIÁ TRỊ**

“Mô hình kinh doanh của KIDO được chia thành hai phần chính: “Chuyển đổi Giá trị” và “Hình thành Giá trị”. Hai quá trình khác biệt này phản ánh rõ nét mô hình kinh doanh cốt lõi hiện tại của KIDO và sự đổi mới trong mô hình kinh doanh của Tập đoàn trong suốt 22 năm qua.

Trước đây, KIDO áp dụng quy trình Chuyển đổi Giá trị đặt nặng tập trung nhiều vào giá thành và quy mô. Theo đó, lợi thế cạnh tranh được tạo ra dựa trên việc tận dụng các đơn đặt hàng với số lượng lớn và việc sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất có thể để tạo nên lợi thế cạnh tranh về giá. Lúc này, các chủng loại sản phẩm không có nhiều sự khác biệt trong khi việc tăng trưởng lại đòi hỏi doanh nghiệp phải mở rộng danh mục sản phẩm hoặc mở rộng ngành hàng. Bối cảnh thị trường tại thời điểm đó cũng cho thấy người tiêu dùng không quá quan tâm vào việc có nhiều sản phẩm để lựa chọn hay không mà điều quan trọng là họ phải tiếp cận được các sản phẩm để thỏa mãn các nhu cầu của bản thân.

KIDO đã sớm đưa quá trình Hình thành Giá trị vào mô hình kinh doanh của Tập đoàn. Quá trình Hình thành Giá trị ở đây bao gồm các hoạt động đầu tư phát triển thương hiệu, tiếp thị, bán hàng và phân phối. Không quá đặt nặng về sản xuất cũng như tài sản vật chất (nhà xưởng, thiết bị) như quá trình Chuyển đổi Giá trị, quá trình này chú trọng việc đầu tư thời gian và nguồn vốn. Quá trình Hình thành Giá trị cũng bao gồm việc đầu tư vào tài sản tri thức (hệ thống và quy

trình), tài sản con người (đội ngũ quản lý chuyên môn cao) và tài sản vô hình (uy tín sản phẩm và thương hiệu). Khoản đầu tư này được kiểm soát bằng hình thức quản lý thông qua hệ thống quy trình và vì tính phức tạp của mình, nó có thể trở thành đòn bẩy giúp nâng cao lợi nhuận và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của tổ chức và kết quả chính là sự cải thiện vượt bậc trong kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

Kinh tế ngày càng phát triển, người tiêu dùng Việt Nam cũng ngày càng có yêu cầu cao hơn đối với sản phẩm và nhất là chất lượng sản phẩm. Chính sự thay đổi trong hành vi người tiêu dùng đã khiến KIDO phải thay đổi mô hình kinh doanh từ đây (chỉ tập trung đưa sản phẩm ra thị trường) sang kéo (thu hút người tiêu dùng), đưa thương hiệu đến gần hơn với người tiêu dùng. Cách tiếp cận tập trung vào khách hàng này giúp chúng tôi đánh giá và phản ứng tốt hơn với các xu hướng của thị trường.



NHÀ CUNG CẤP

KIDO làm việc với hơn 200 nhà cung cấp trên toàn thế giới để có được nguồn nguyên vật liệu tốt nhất với giá thành hợp lý nhất nhằm mục tiêu đảm bảo sự cân bằng giữa chất lượng và lợi nhuận.



NGUỒN NHÂN LỰC

KIDO có hơn 2.100 cán bộ công nhân viên trong sản xuất, phân phối, và bộ máy vận hành. Đội ngũ này cùng thực hiện việc chuyển đổi nguyên vật liệu đầu vào thành các sản phẩm chất lượng và tạo nên giá trị thông qua quá trình phân phối kết hợp với kiến thức và kinh nghiệm trong việc marketing và bán hàng.



NHÀ PHÂN PHỐI

KIDO tiếp cận người tiêu dùng thông qua ba kênh phân phối với hơn 215 Nhà phân phối trên toàn quốc. Thông qua hệ thống quản lý nhà phân phối, Tập đoàn luôn cập nhật được tình hình tồn kho và doanh số từ tất cả các kênh bán hàng mỗi ngày.



ĐIỂM BÁN LẺ

KIDO phục vụ người tiêu dùng tại hơn 90.000 điểm bán kết nối với hệ thống của Tập đoàn thông qua hệ thống quản lý trên thiết bị di động nhằm kiểm soát việc triển khai bán hàng tại các điểm bán lẻ.

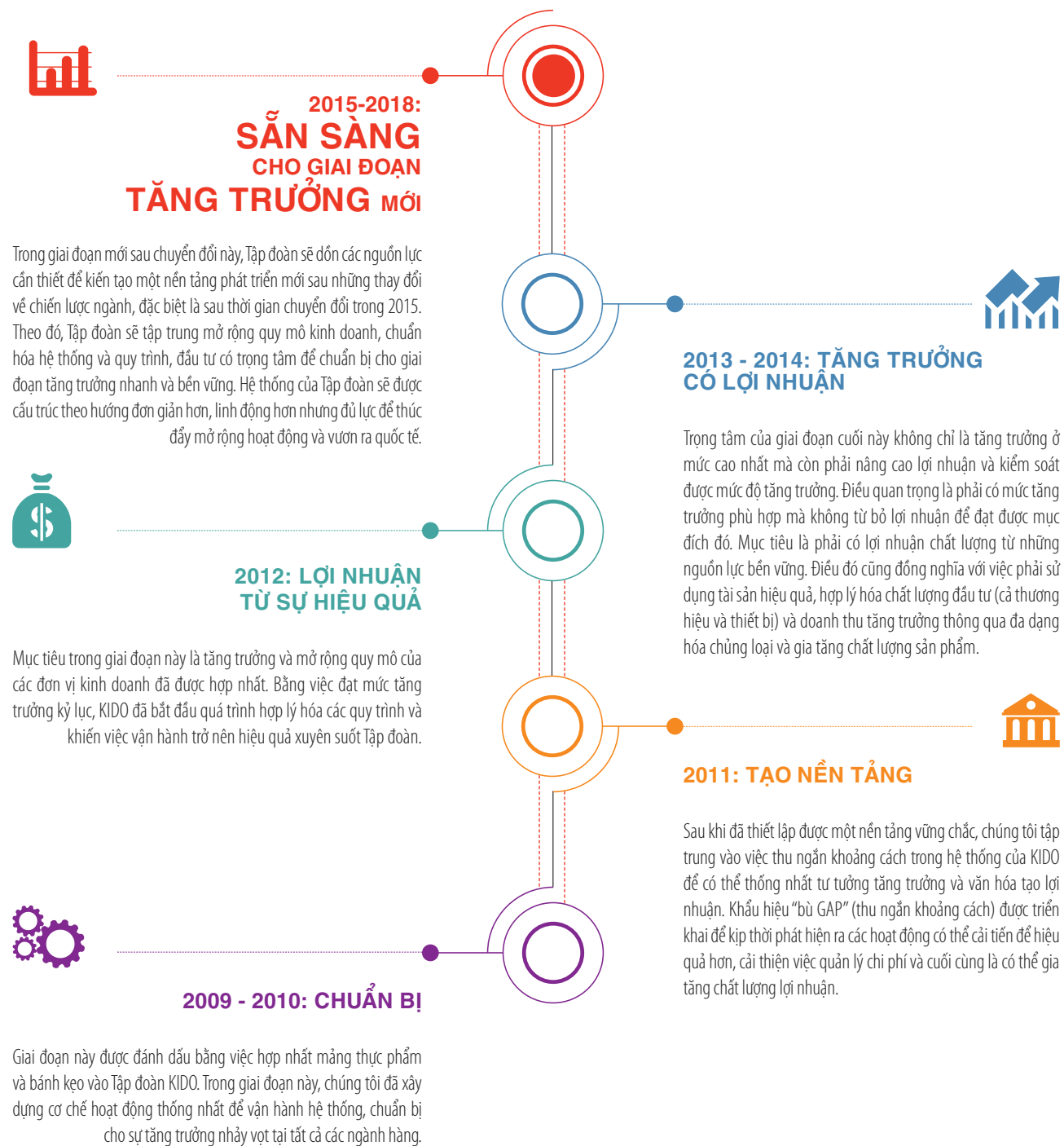


NGƯỜI TIÊU DÙNG

KIDO hướng đến phục vụ hơn 50 triệu người tiêu dùng Việt Nam với đa dạng chủng loại sản phẩm thông qua ba kênh phân phối trong nước.

Định hướng Chiến lược

Năm vừa qua, trọng tâm trong chiến lược của KIDO đã thay đổi khi tập đoàn hoàn thành quá trình tái cấu trúc gồm bốn giai đoạn chính được thực hiện từ năm 2009 đến năm 2014 và sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

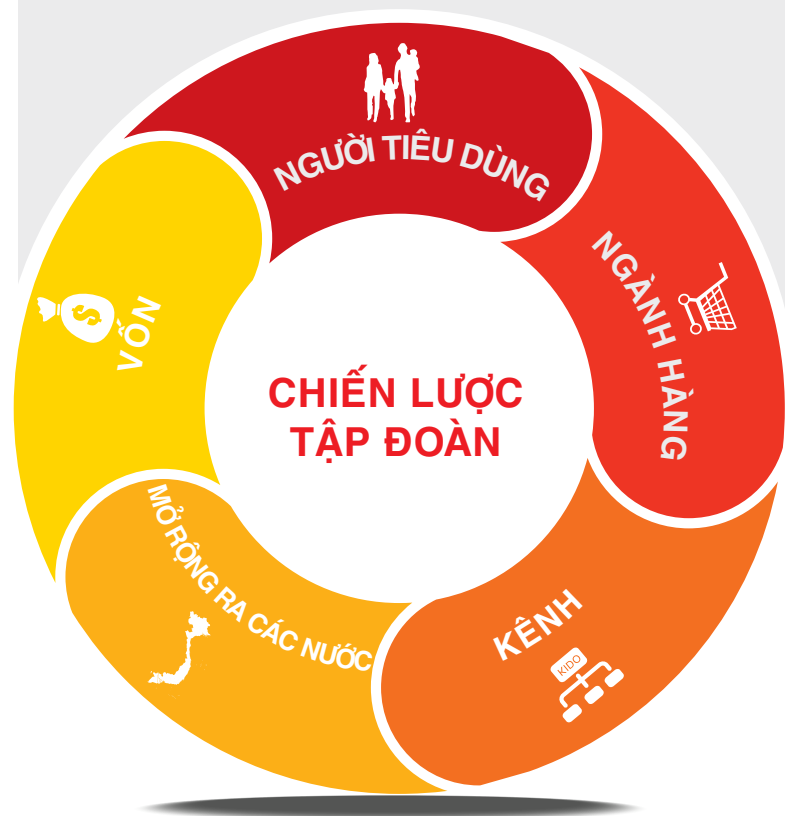


KIDO đã thu hẹp trọng tâm chiến lược thành 3P, đây là các yếu tố tiên quyết cho sự thành công của giai đoạn mới.



Yếu tố mang tính thích nghi cao nhất trong mô hình 3P chính là chiến lược sản phẩm. KIDO đã xác định chiến lược sản phẩm dựa trên nền tảng là mảng bánh kẹo, mở rộng sang lĩnh vực thực phẩm thiết yếu và gia vị trên cùng một hệ thống để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Tập đoàn.

Chiến lược Tập đoàn



Chiến lược NGƯỜI TIÊU DÙNG

“Tạo ra nhiều cơ hội để khách hàng sử dụng sản phẩm bằng cách đưa đúng sản phẩm đến đúng người tiêu dùng tại đúng địa điểm cần thiết.”

Chiến lược gia nhập ngành hàng thực phẩm thiết yếu và gia vị được triển khai để gia tăng khả năng tiếp cận của KIDO đối với người tiêu dùng. Trọng tâm của chiến lược này là tạo mức độ ổn định cao hơn vượt qua tính mùa vụ của các ngành hàng trước đây.

Quá trình tái cấu trúc đã thực sự phát huy hiệu quả trong toàn bộ hệ thống của Tập đoàn. Mặt khác, quá trình Hình thành Giá trị theo mô hình 5C cũng đã tận dụng hệ thống được hoàn thiện trong quá trình tái cấu trúc giúp tăng khả năng thâm nhập thị trường của KIDO. Tăng trưởng sẽ đến từ việc tiếp cận nhiều người tiêu dùng hơn và việc KIDO tạo ra nhiều cơ hội để họ sử dụng sản phẩm bằng cách đưa đúng sản phẩm đến đúng người tiêu dùng tại đúng địa điểm cần thiết.

Chính vì điểm này mà chiến lược Thực phẩm & Gia vị sẽ là yếu tố quyết định trong việc hoàn thiện quá trình Hình thành Giá trị và đó cũng là lý do vì sao mô hình 5C lại có vai trò quan trọng đối với kết quả kinh doanh trong

tương lai của KIDO. Ngành hàng thiết yếu sẽ giúp các sản phẩm của Tập đoàn thâm nhập sâu hơn vào đời sống hàng ngày của người tiêu dùng.

Chiến lược này bao gồm các sản phẩm được sử dụng hằng ngày với tần suất sử dụng cao, tức vừa hấp dẫn vừa mang tính cạnh tranh. Tuy nhiên, khả năng thâm nhập thị trường sẽ dễ dàng hơn và góp phần lớn vào tăng trưởng bằng việc kết hợp chiến lược, nền tảng, và cơ sở hiện hữu của KIDO.



Chiến lược NGÀNH HÀNG

“KIDO sẽ mở rộng kênh phân phối sản phẩm đông lạnh, không chỉ dừng lại ở việc phân phối các sản phẩm sữa và tráng miệng, việc kết nối giữa các kênh rất quan trọng cũng như tính hiệu quả của nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của cả Tập đoàn.”

Trong những năm qua, KIDO luôn xác định người tiêu dùng có tầm quan trọng hàng đầu trong mọi chiến lược kinh doanh của mình. Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng trở nên tinh tế và năng động hơn. Hiện tại và trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai giai đoạn tiếp theo của Chiến lược ngành là “Người tiêu dùng & Tính tiện lợi”.

Chúng tôi có thể nói rằng chiến lược này sẽ đơn thuần xoay quanh người tiêu dùng, tập trung vào các lựa chọn và cách thức phân phối phù hợp nhất với phân khúc người tiêu dùng mà Tập đoàn hướng tới. Con đường thực hiện chiến lược Người tiêu dùng & Tính tiện lợi phụ thuộc vào sự thành công của việc thâm nhập vào lĩnh vực Thực phẩm & Gia vị và việc

tung các sản phẩm bổ trợ và thay thế bữa ăn. Chiến lược này còn mở rộng sang các sản phẩm tiện lợi và giải pháp cho các bữa ăn. Về mặt hoạt động, KIDO sẽ mở rộng kênh phân phối sản phẩm đông lạnh, không chỉ dừng lại ở việc phân phối các sản phẩm sữa và tráng miệng, việc kết nối giữa các kênh rất quan trọng cũng như tính hiệu quả của nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của cả Tập đoàn.



Chiến lược KÊNH

“Kênh phân phối được xem là phần quan trọng nhất của hệ thống.”

Trong khi trọng tâm của mô hình kinh doanh nằm ở người tiêu dùng thì kênh phân phối được xem là phần quan trọng nhất của hệ thống. Toàn bộ hệ thống này sẽ được vận hành thông qua các Đơn vị Kinh doanh Chiến lược (SBUs) - những đơn vị này giữ vai trò quyết định đối với ngành hàng. Trong đó, KIDO chú trọng vào các nguồn lực thuộc hệ thống kênh phân phối: kênh phân phối thực phẩm đóng gói, kênh phân phối sản phẩm đông lạnh, kênh bán lẻ và kênh xuất khẩu. Đây là những kênh phân phối bao phủ hoàn toàn thị trường trong nước và hỗ trợ mục tiêu người tiêu dùng của chúng tôi: cung cấp sản phẩm tiêu dùng hằng ngày đến nhiều người tiêu dùng hơn và với tần suất sử dụng cao hơn. Điều này khác với mô hình cũ có tính mùa vụ cao.



Chiến lược **MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC**

Quy mô người tiêu dùng sẽ mở rộng từ 90 triệu người Việt Nam lên hơn 600 triệu người của khu vực Đông Nam Á. Với điểm tựa là ngành Thực phẩm & Gia vị, KIDO sẽ vươn ra thị trường phục vụ người tiêu dùng bên ngoài Việt Nam với các sản phẩm tiện lợi hàng ngày.

Với tốc độ hội nhập của thị trường khu vực, và việc giảm hàng rào thuế quan thì Việt Nam sẽ trở thành thị trường hấp dẫn các thị trường khác là điều chắc chắn trong thời gian tới cùng với một mức độ cạnh tranh cao hơn.

Trong bối cảnh tham gia Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) cùng với việc hội nhập vào các thị trường khu vực, KIDO sẽ phải điều chỉnh tầm nhìn đối với thị trường thế giới.

Chiến lược **VỐN**

KIDO hướng đến việc phân bổ vốn một cách hiệu quả để thâm nhập, tăng trưởng, và thành công trong từng ngành hàng.

Tham gia vào ngành Thực phẩm & Gia vị là một phần quan trọng của chiến lược trong giai đoạn mới. Việc phân bổ vốn thể hiện rõ lý do tại sao và bằng cách nào để Tập đoàn thâm nhập thị trường. Tập trung vào các ngành hàng mới, KIDO hướng đến việc phân bổ vốn một cách hiệu quả để thâm nhập, tăng trưởng, và thành công trong từng ngành hàng.



KHẢ NĂNG dẫn dắt ngành dầu ăn

Với kế hoạch nâng tỷ lệ sở hữu tại Vocarimex, KIDO có tiềm năng sẽ là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành dầu ăn, tạo đà tăng trưởng mới cho Tập đoàn thông qua thực thi từng lĩnh vực của 5C.



Nền KINH TẾ phục hồi VỚI TỐC ĐỘ NHANH vào năm 2015

6,7%
Tổng sản phẩm quốc
nội (GDP) tăng
vào năm 2015

Nền kinh tế phục hồi với tốc độ nhanh hơn vào năm 2015. Sự gia tăng tiêu dùng nội địa và nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường ngoài nước giúp tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 6,7% so với năm 2014. Tăng trưởng GDP cuối cùng cũng vượt qua giai đoạn âm đậm trong bốn năm liên tiếp, nhờ vào sự phục hồi của khu vực sản xuất, xây dựng và một vài thay đổi tích cực của khu vực dịch vụ. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) đạt trên

mức 50 trong 10 tháng của năm, thể hiện sự mở rộng của hoạt động sản xuất với nhiều đơn đặt hàng mới từ thị trường xuất khẩu. Điều này giúp phát triển sản xuất nói chung và giảm áp lực nội địa lên tăng trưởng kinh tế. Lạm phát toàn cầu ổn định ở mức thấp giúp giảm chi phí đầu vào, đồng thời giá nhiên liệu giảm đã tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh và giảm áp lực về giá lên sản phẩm tiêu dùng.



Trong ngành hàng “Thực phẩm & Gia vị”, các doanh nghiệp có một môi trường hoạt động tốt hơn nhưng cạnh tranh cũng tăng mạnh do các doanh nghiệp tập trung cạnh tranh về giá khi người tiêu dùng vẫn khá thận trọng.

Những điều kiện trên mở đường cho sự tái thiết bền vững hơn của nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động đầu tư của cả khu vực tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Theo khảo sát của phòng Thương mại Châu Âu, chỉ số môi trường kinh doanh địa phương vươn lên từ mức 45, mức thấp nhất trong thời kỳ đầy biến động năm 2012, tới mức 75, cao nhất trong các năm vừa qua. Bên cạnh đó, tổng vốn đầu tư xã hội tăng 12%, bằng 32,6% GDP, so với mức 31% GDP trong năm 2014, và 30,4% trong năm 2013. Cùng lúc đó, các nhà đầu tư nước ngoài giải ngân 14,5 tỉ đô-la Mỹ vào các ngành công nghiệp nội địa, tương đương mức tăng 17,4%.

Môi trường vĩ mô tiếp tục ổn định. Nhờ giá hàng hóa giảm và giá nhiên liệu giảm, mức lạm phát được giữ dưới mức 0,6%, mức thấp nhất trong một thập kỷ vừa qua. Lạm phát thấp giúp Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và giữ nguyên lãi suất ở mức thấp. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay bình quân năm 2015 rơi vào khoảng 9,5%, mức thấp trong 10 năm liên tiếp. Điều này làm giảm

gánh nặng tài chính, đồng thời thúc đẩy nhu cầu vay vốn của cá nhân và doanh nghiệp thông qua các đòn bẩy tài chính với chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, lạm phát thấp và áp lực giá cả giảm tạo ra một vài quan ngại về thu nhập. Theo Bộ Lao động, thu nhập trung bình tăng 8% năm 2015, sự thay đổi được phản ánh rõ rệt trong những khảo sát ý kiến tiêu dùng: trong ngắn hạn, người dân ưu tiên tiết kiệm và đầu tư. Điều này gây bất lợi cho các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng. Doanh thu bán lẻ sau khi điều chỉnh lạm phát tăng 8,4% trong năm 2015, cao hơn mức 8,1% của năm 2014 nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trưởng tốt vào những năm trước năm 2011.

Mặc dù được hưởng những thuận lợi từ môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm thiết yếu vẫn phải đối mặt với cuộc chiến giá cả khốc liệt trong một thị trường mà người tiêu dùng cực kỳ thận trọng với quyết định chi tiêu. Lợi nhuận được duy trì nhờ vào chiến lược cắt giảm chi phí sản xuất hơn là chiến lược tăng giá sản phẩm.

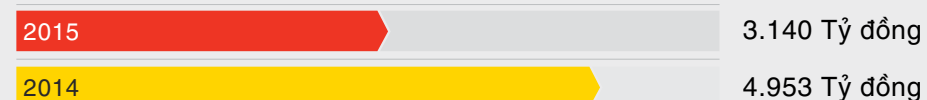
Số liệu Tổng quan

Tỷ đồng	2014	2015	Tăng/(Giảm)	Tăng/(Giảm)
Doanh thu thuần	4.953	3.140	(1.813)	-36,6%
Lợi nhuận gộp	2.146	1.175	(971)	-45,2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	43,3%	37,4%	-6%	-13,6%
Lợi nhuận/(lỗ) hoạt động	514	(24)	(537)	-104,6%
Lợi nhuận trước thuế	663	6.682	6.019	907,9%
Thuế thu nhập	126	1.413	1.287	1.021,4%
Lợi nhuận sau thuế	537	5.269	4.732	881,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	10,8%	167,8%	157%	1.447,3%
Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	9,7%	90,4%	81%	832,0%



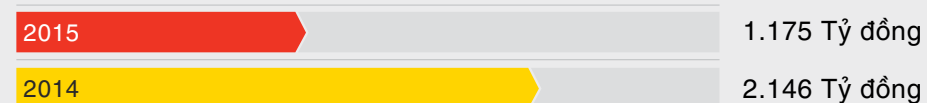
DOANH THU THUẦN

3.140 Tỷ đồng | -36,6%



LỢI NHUẬN GỘP

1.175 Tỷ đồng | -45,2%



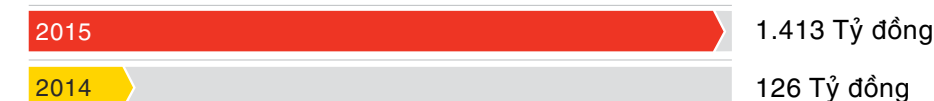
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

6.682 Tỷ đồng | +907,9%



THUẾ THU NHẬP

1.413 Tỷ đồng | +1.021,4%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

5.269 Tỷ đồng | +881,0%



Kết quả Hoạt động kinh doanh

Tỷ suất lợi nhuận hoạt động có ảnh hưởng khi chúng tôi bắt đầu những khoản đầu tư đầu tiên vào các sản phẩm mới và thương hiệu Đại Gia Đình.

3.140 Tỷ đồng
DOANH THU THUẦN



1.175 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN GỘP



3.059 Tỷ đồng
TIỀN & CÁC KHOẢN
TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN



Sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trong ngành thực phẩm khiến các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Năm 2015 đánh dấu sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu Tập đoàn khi chúng tôi hoàn thành quá trình chuyển đổi và bắt đầu tập trung mở rộng thị phần trong ngành kem, sữa, mì gói, dầu ăn và gia vị. KIDO tiếp tục chiếm ưu thế trên thị trường kem và bắt đầu mở rộng hơn qua các mảng khác trong ngành sữa. Mảng kinh doanh mì gói, dầu ăn và gia vị cũng có nhiều triển vọng sau khi KIDO kết thúc giai đoạn thử nghiệm sản phẩm và sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2016.

Doanh thu thuần của Tập đoàn KIDO đạt mức 3.140 tỷ đồng mặc dù hoạt động của mảng bánh kẹo chỉ được hợp nhất vào nửa đầu năm 2015. Lợi nhuận gộp đạt 1.175 tỷ đồng, tương đương với tỷ số lợi nhuận gộp 37,4%. Nếu loại bỏ những ảnh hưởng từ việc hợp nhất mảng bánh kẹo thì những kết quả đạt được là khá tích cực với những tiến triển tốt trong ngành kem. Những ảnh hưởng không tốt từ khó khăn trong việc phát triển sản phẩm mới sẽ không còn một khi KIDO đạt được lợi ích kinh tế theo quy mô trên thị trường này.

Chi phí bán hàng chiếm 28,6% doanh thu thuần, cao hơn mức 24,5% năm 2014. Điều này chủ yếu là do sự mở rộng chuỗi cung ứng lạnh cho việc kinh doanh sản phẩm đông lạnh. Thương hiệu Đại Gia Đình được chú trọng đầu tư nhiều hơn trong quá trình định vị sản phẩm mới. Ngoài ra, KIDO cũng ghi nhận một khoản chi phí đến từ việc tái cấu trúc doanh nghiệp với việc chuyển giao mảng bánh kẹo trong nửa đầu năm 2015. Nhìn chung, giai đoạn phát triển sản phẩm mới và thương hiệu Đại Gia Đình ảnh hưởng nhẹ đến lợi nhuận kinh doanh.

Doanh thu tài chính đạt 6.706 tỷ đồng chủ yếu là kết quả của việc chuyển giao 80% cổ phần của Công ty Kinh Đô Bình Dương. Lợi nhuận thuần sau thuế đạt 5.269 tỷ đồng.

Tình hình tài chính của Tập đoàn vẫn ổn định nhờ vào việc duy trì lượng tiền mặt nhất định và giảm sử

4.935
tỷ đồng cho cổ tức

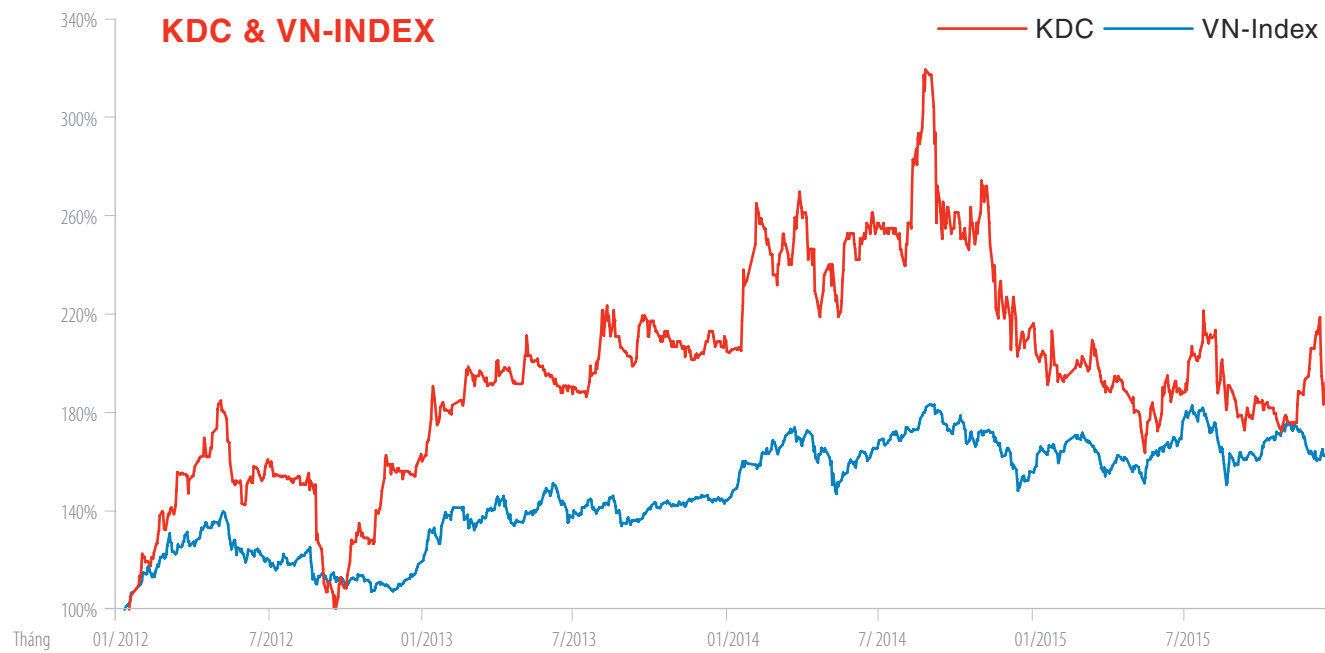
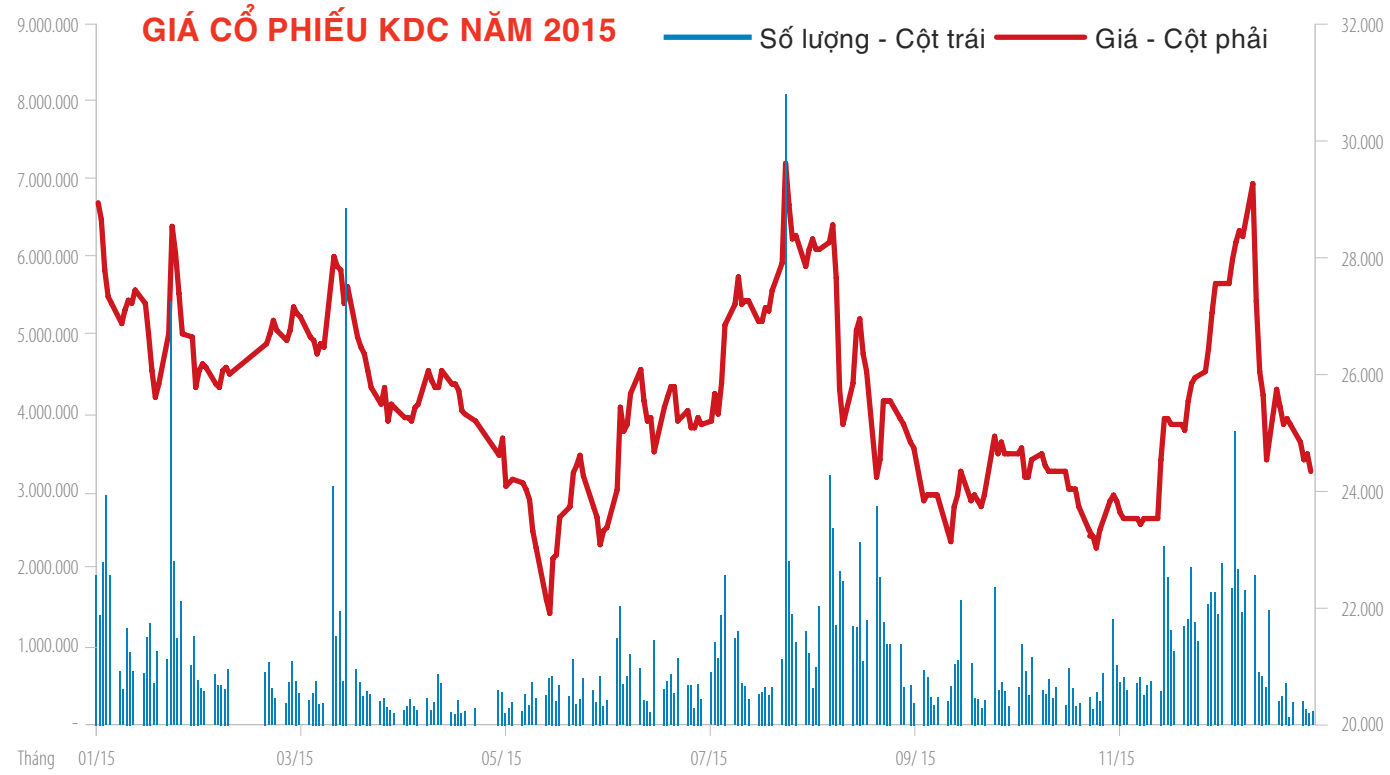
1.322 tỷ đồng
để mua lại cổ phần



dụng các đòn bẩy tài chính. Tập đoàn đang nắm giữ các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng trị giá hơn 3.059 tỷ đồng vào cuối năm 2015, tương ứng 45% tổng tài sản, cao hơn mức 40% năm 2014.

Các khoản chi tiêu chính trong năm bao gồm việc trả cổ tức cho cổ đông và mua lại cổ phiếu. Cụ thể, Tập đoàn sử dụng 4.935 tỷ đồng cho cổ tức và 1.322 tỷ đồng để mua lại cổ phần. Phần tiền còn lại đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phân phối nguồn vốn. Khoản tiền này cũng sẽ được sử dụng để hỗ trợ cho việc xây dựng thương hiệu Đại Gia Đình cũng như thâm nhập vào các thị trường mới.

Giá cổ phiếu



ĐỊNH VỊ & NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU



Từ que kem mát lạnh, ngọt ngào đến hũ sữa chua bổ dưỡng, từ mì ăn liền và gia vị đậm đà hương vị thuần Việt đến dầu ăn bền nhiệt, an toàn... các sản phẩm KIDO không những đáp ứng được nhu cầu thực phẩm suốt cả ngày mà còn mang sứ mệnh chăm sóc cho bữa ăn và gian bếp của mọi gia đình Việt, mang đến hương vị hạnh phúc cho cuộc sống đẹp hơn mỗi ngày.

Phát huy sức mạnh từ nền tảng Marketing chuyên nghiệp, năm 2015, KIDO đã triển khai hàng loạt các hoạt động nhằm định vị cũng như phát triển thương hiệu: duy trì và nâng cao vị thế dẫn đầu của ngành Kem & các sản phẩm từ Sữa đồng thời thâm nhập và định vị thương hiệu các sản phẩm thiết yếu.

ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM THIẾT YẾU ĐẠI GIA ĐÌNH

TẦM NHÌN
thương hiệu Đại Gia Đình



SỨ MỆNH
thương hiệu Đại Gia Đình

BỮA CƠM
ĐẠI GIA ĐÌNH

THƯƠNG HIỆU ĐẠI GIA ĐÌNH
Mang sứ mệnh gắn kết các thành viên trong gia đình Việt, thông qua bữa cơm của sự yêu thương từ những sản phẩm chất lượng, sức khỏe và đậm đà hương vị thuần Việt và từ đó các giá trị gia đình được thăng hoa và phát triển trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Vì chúng tôi tin rằng, không có gì quan trọng hơn gia đình, và không gì tuyệt vời hơn một bữa cơm nhà thơm ngon với trọn vẹn vị yêu thương.

Thương hiệu **THỰC PHẨM & GIA VỊ** mang đến những sản phẩm chất lượng, độc đáo, phù hợp khẩu vị và gắn gũi với mọi gia đình Việt.

Thương hiệu **CÓ NHIỀU SẢN PHẨM NHẤT** trong gia đình của hơn 50 triệu người tiêu dùng Việt Nam, từ nhà bếp đến phòng khách, phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng suốt cả ngày.

LÀ Thương hiệu giúp tạo **SỰ KẾT NỐI** giữa các thành viên trong gia đình thông qua những sự kiện, những bữa ăn, những khoảnh khắc gắn gũi chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình.

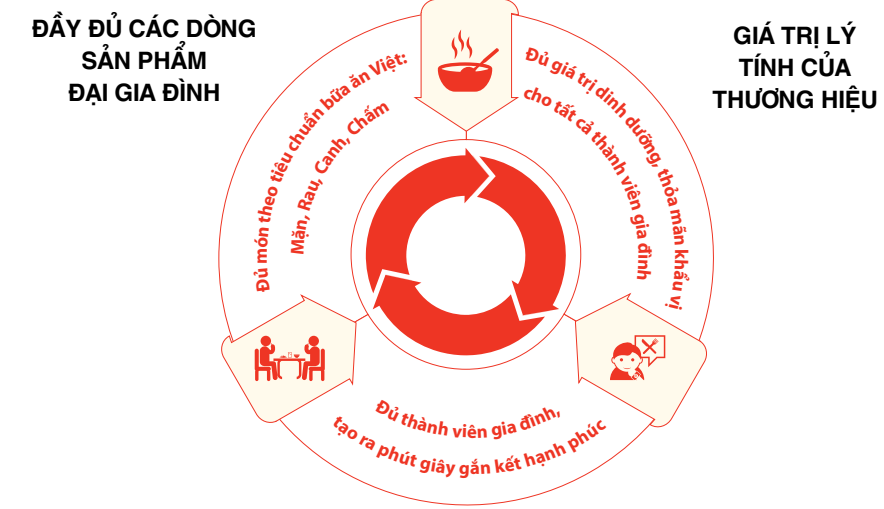
Thương hiệu giới thiệu khái niệm **GIA ĐÌNH MỚI** trong xã hội ngày nay: gia đình ruột thịt, gia đình trong mối quan hệ bè bạn, nơi làm việc, nơi vui chơi giải trí...



SỰ THẬT
30 - 40% gia đình ở các đô thị lớn Việt Nam hiếm khi có bữa cơm chung với đầy đủ thành viên trong gia đình, vô tình làm mất cơ hội chia sẻ cảm giác yêu thương, làm nguội dần đi gian bếp Việt.



SỨ MỆNH THƯƠNG HIỆU
Đại Gia Đình - gắn kết gia đình Việt từ bữa cơm yêu thương.



GIÁ TRỊ CẢM TÍNH CỦA THƯƠNG HIỆU

Các sản phẩm **ĐẠI GIA ĐÌNH** **NỔI BẬT**

HOẠT ĐỘNG **TRUYỀN THÔNG 2015**

Hai chiến dịch
“GIA ĐÌNH LÀ SỐ 1, CƠM NHÀ LÀ NGON NHẤT” (06/2015) và
“CẢM ƠN MẸ, NGƯỜI PHỤ NỮ CỦA NĂM” (12/2015)
 với thông điệp ý nghĩa và gần gũi không những làm tăng độ nhận biết thương hiệu, giúp người tiêu dùng tiếp cận, nhận biết, trải nghiệm các sản phẩm Đại Gia Đình mà còn giúp gắn kết các giá trị truyền thống gia đình.



Báo cáo Chiến lược Marketing (Tiếp theo)

NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU KEM, SỮA & CÁC SẢN PHẨM TỪ SỮA

NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU

Merino

Celano

Wel Yo

DZUI BẤT TẬN!

DÀNH CHO:

Dành cho giới trẻ, năng động, thích kết bạn để chia sẻ niềm vui và sự sành điệu, cùng nhau sáng tạo và khám phá những điều mới. **MERINO** là nhãn hiệu kem với nhiều mùi vị ngon và được yêu thích nhất, mang đến cho bạn **NIỀM VUI BẤT TẬN** dù khi một mình, với người thân, bạn bè ở bất cứ nơi đâu và khi nào.

TRẦN HỨNG KHỎI, ĐẦY PHONG CÁCH

DÀNH CHO:

Những bạn teen và những bà mẹ trẻ đầy năng động, những người có cá tính phong cách riêng đang muốn tận hưởng cuộc sống hiện đại, bận rộn và dường như đang ngẩn lại. **CELANO** là nhãn hiệu kem cao cấp, tạo nên **NGUỒN CẢM HỨNG** và **PHONG CÁCH RIÊNG** thật khác biệt.

CHO CUỘC SỐNG TRỌN VẸN

DÀNH CHO:

Những bà mẹ của những đứa trẻ năng động, tìm kiếm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như bảo vệ sắc đẹp của bản thân. **WEL YO** là thương hiệu sữa chua đáp ứng tốt nhất những nhu cầu này.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2015 KEM NGON, QUÀ MINIONS VUI NHỘN

Chương trình khuyến mãi lớn nhất trong năm "KEM NGON, QUÀ MINIONS VUI NHỘN" với sự kết hợp tuyệt vời giữa Merino & Celano cùng nhân vật Minions nổi tiếng thế giới của Hollywood đã giúp nâng tầm thương hiệu của Merino & Celano và đẩy doanh số chương trình khuyến mãi thường niên của KIDO lên một kỷ lục mới. Chương trình được triển khai cho người tiêu dùng khi mua các sản phẩm kem Merino và Celano cùng các hoạt động truyền thông trên các kênh truyền hình lớn và các sự kiện lễ hội mùa hè.



15.000
lượt người tham gia Lễ hội Minions Summer Party



2,5 TRIỆU
người xem thông tin trên các kênh Digital



14.873
lượt chiếu TVC trên các kênh truyền hình & rạp chiếu phim



113.000
lượt yêu thích và share trên các kênh online và mạng xã hội

(Nguồn: thống kê lượt chiếu TVC & báo cáo từ facebook.com)

FANPAGE KEM & GẤU

Merino đã sử dụng hình ảnh 02 nhân vật Kem & Gấu, phù hợp với tính cách nhân hàng Merino để tạo nên một cộng đồng nhằm duy trì và phát triển tương tác với khách hàng mục tiêu. Fanpage đã nhận được 115.000 lượt yêu thích và chia sẻ với rất nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng giới trẻ trong năm 2015, lượng fans ngày càng tăng, hứa hẹn là 1 kênh truyền thông rất khác biệt và hiệu quả của nhân hàng Merino.



CELANO SWEETIE



SỮA CHUA ĐÁ WEL YO

SỮA CHUA ĐÁ WEL YO được ra đời vào đầu năm 2015, dựa trên ý tưởng "Quà vật tuổi thơ ấu" đã thực sự tạo nên được cơn sốt và trở thành trào lưu tiêu dùng của mọi đối tượng khách hàng.

Sản phẩm được chính thức tung ra thị trường với 3 hương vị: Tự nhiên, Cam, Chanh dây và sau đó tung thêm 6 hương vị mới: Mít, Thơm Dứa, Vải, Xoài, Chanh và Dưa lưới.



BÊ PHÓNG MỚI trên nền tảng hệ thống vững chắc

Trong giai đoạn tăng trưởng mới, dựa trên kinh nghiệm chuyên sâu và đẩy nhanh đầu tư vào nền tảng cơ bản sẽ tạo nên một KIDO đơn giản hơn, linh động và đủ lực để thúc đẩy mở rộng và vươn ra quốc tế.



Cấu trúc Kiểm soát hoạt động

“ Sự phát triển của KIDO luôn gắn bó trực tiếp với sự phát triển lớn mạnh của các mắc xích trong chuỗi giá trị gia tăng bao gồm: người tiêu dùng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà bán lẻ, nhà đầu tư và người lao động.

NỀN TẢNG CHÍNH SÁCH

Theo đó, toàn bộ định hướng và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn đều được minh bạch với các thành viên trong chuỗi giá trị nhằm tạo sự thống nhất, hướng đến mục tiêu cùng phát triển, và trên tất cả là nỗ lực để phục vụ người tiêu dùng ngày càng tốt hơn.

Nhằm đảm bảo các hoạt động và giải pháp của Tập đoàn phù hợp với kỳ vọng của tất cả các đối tác trong chuỗi giá trị và tạo điều kiện cho chúng tôi thích nghi kịp thời với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, chúng tôi đặt việc hoàn thiện cấu trúc kiểm soát hoạt động lên ưu tiên hàng đầu, dẫn đến sự cải thiện trong khả năng quản lý. Từ đó tiến tới xây dựng niềm tin với khách hàng thông qua tính minh bạch và tinh thần trách nhiệm với xã hội.

ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG

Trong quá trình tái cấu trúc kéo dài suốt năm năm qua, Tập đoàn KIDO đã xác định mục tiêu hình thành một nền tảng hệ thống và quy trình vững chắc nhằm thực thi và mang đến giá trị bền vững cho doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi đặt ưu tiên vào mục tiêu đơn giản hóa cấu trúc doanh nghiệp nhằm tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

Chúng tôi cũng triển khai mô hình EMC với các thành viên từ nhiều chức năng riêng biệt nhằm cải thiện việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận cũng như tạo tiền đề để ra quyết định kịp thời và sắc bén hơn. Sự tách biệt này dựa trên tính minh bạch để đưa ra quyết định một cách chính xác và tăng tính hiệu quả.

Chúng tôi cũng đã thực hiện mô hình hoạt động theo các SBU trong một khoảng thời gian nhằm quản lý các lĩnh vực thương mại khác nhau của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, sau giai đoạn tái cấu trúc gần đây, chúng tôi đã thống nhất lại các SBU với các Đơn vị Kinh doanh nhằm thống nhất trách nhiệm thực thi và giải trình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của KIDO gồm chín thành viên, trong đó có ba thành viên độc lập. Thành viên độc lập được lựa chọn từ các ứng viên dựa trên kinh nghiệm làm việc và kiến thức chuyên môn.



Cấu trúc Kiểm soát hoạt động (Tiếp theo)

TRONG NĂM 2015, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ TRIỆU TẬP 8 CUỘC HỌP

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
3	Wang Ching Hua	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên HĐQT	8/8	100%
6	Vương Ngọc Xiêm	Thành viên HĐQT	8/8	100%
7	Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT	8/8	100%
8	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT	8/8	100%
9	Nguyễn Đức Trí	Thành viên HĐQT	8/8	100%

CÁC PHIÊN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Ngày	Nội dung
1	26/01/2014	Thông qua kế hoạch xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	02/02/2015	Thông qua việc chào mua công khai đối với Vocarimex
3	14/04/2015	Thông qua đợt trả cổ tức lần một năm 2014
4	11/06/2015	Thông qua nội dung hợp đại hội cổ đông 2015
5	27/07/2015	Thông qua việc chi trả cổ tức đặc biệt 20.000 đồng/cổ phiếu
6	22/09/2015	Thông qua kế hoạch mua 40 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
7	24/09/2015	Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch mua cổ phiếu quỹ
8	13/10/2015	Thông qua kế hoạch mua 29,5 triệu cổ phiếu thay cho kế hoạch trước đó mua 40 triệu cổ phiếu quỹ

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Nghị quyết số	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ - HĐQT	26/01/2014	Chốt danh sách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	02/2015/NQ - HĐQT	02/02/2015	Chào mua công khai Vocarimex
3	03/2015/NQ - HĐQT	14/04/2015	Cổ tức đợt một năm 2014
4	04/2015/NQ - HĐQT	11/06/2015	Nội dung hợp đại hội cổ đông thường niên 2015
5	05/2015/NQ - HĐQT	27/07/2015	Cổ tức đặc biệt 20.000 đồng/cổ phần
6	19/2015/NQ - HĐQT	22/09/2015	Mua 40 triệu cổ phiếu quỹ
7	22/2015/NQ - HĐQT	24/09/2015	Điều chỉnh kế hoạch mua cổ phiếu quỹ
8	24/2015/NQ - HĐQT	13/10/2015	Mua 29,5 triệu cổ phiếu quỹ thay cho kế hoạch mua 40 triệu trước đó.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo quý.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đến cuối năm 2015, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn chưa thành lập các tiểu ban.



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Các SBUs và BUs liên tục đánh giá và xác định các rủi ro và cùng làm việc với Ủy ban Quản trị Rủi ro nhằm giám sát các rủi ro có thể xảy ra trong Tập đoàn.



Những báo cáo này sau đó được trình bày với EMC để thảo luận và đánh giá những ảnh hưởng cũng như xác suất xảy ra nhằm xác định những rủi ro nào cần được chú trọng.

Những rủi ro này sau đó sẽ được phân loại bằng hệ thống chấm điểm từ mức "Không chắc chắn" đến "Sẽ xảy ra" và được chấm điểm dựa trên tầm ảnh hưởng của nó từ mức "Không đáng kể" đến "Nghiêm trọng". Nếu được đánh giá ở mức "Có thể xảy ra" với mức đánh giá tầm ảnh hưởng là "Nghiêm trọng", yếu tố rủi ro này sẽ được báo cáo lên Ủy ban Quản trị Rủi ro để cùng làm việc với Ủy ban Kiểm soát Nội bộ nhằm đưa ra những biện pháp theo dõi và giảm thiểu rủi ro. Những chính sách và quy trình này được cập nhật vào hệ thống quản lý và thông báo rộng rãi trên mạng

nội bộ Tập đoàn. Ủy ban Kiểm soát Nội bộ sẽ theo sát nhằm kiểm tra, và đánh giá quá trình thực hiện.

Hàng năm, các hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro được kiểm tra đánh giá lại bởi Ủy ban kiểm toán nội bộ và những thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện. Sau quá trình đánh giá, những chính sách mới sẽ được thông qua và triển khai đồng thời chu trình này lặp lại như trên nhằm đảm bảo việc quản trị rủi ro là một quá trình chủ động thay vì bị động như trước đây. Điều này sẽ phù hợp hơn với một môi trường kinh tế năng động như Việt Nam.

Tăng trưởng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (đặc biệt là thực phẩm và thức uống) chịu ảnh hưởng lớn bởi mức độ chi tiêu, xu hướng và lòng tin của người tiêu dùng về thị trường.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT

Tăng trưởng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (đặc biệt là thực phẩm và thức uống) chịu ảnh hưởng lớn bởi mức độ chi tiêu, xu hướng và lòng tin của người tiêu dùng về thị trường. Suy thoái kinh tế và những vấn đề về chính trị - xã hội sẽ làm giảm mức độ chi tiêu của các cá nhân người tiêu dùng. Tập đoàn KIDO chủ động theo dõi những diễn biến của tình hình kinh tế khu vực và tình hình chính trị - xã hội để dự đoán những thay đổi trong xu hướng người tiêu dùng. Chúng tôi luôn giữ vững sự kiểm soát chặt chẽ trong quá trình mua hàng, quản lý vốn lưu động và chi phí nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng từ lượng cung hàng hóa.

RỦI RO PHỤ THUỘC

Là những rủi ro liên quan đến việc phụ thuộc vào một nhà cung cấp, khách hàng, đối tác kinh doanh hoặc sản phẩm nào đó. Những sự phụ thuộc này sẽ khiến Tập đoàn chịu ảnh hưởng lớn hơn từ việc giảm doanh số và biên lợi nhuận. Nhằm giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn KIDO đã hợp tác với một mạng lưới các nhà cung cấp cả nội địa lẫn quốc tế nhằm đảm bảo cả về tính ổn định lẫn chất lượng trong chuỗi cung ứng. Tập đoàn KIDO cũng quản lý hệ thống phân phối theo cách tương tự, luôn đảm bảo rằng hoạt động phân phối luôn được chủ động kiểm soát, nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh cũng như mục tiêu phục vụ người tiêu dùng.

RỦI RO THỰC THI

Việc thay đổi gần đây trong chiến lược của Tập đoàn KIDO có khả năng tăng rủi ro trong quá trình thực thi do chúng tôi bổ sung thêm các sản phẩm

mới và các hệ thống mới để phục vụ cho việc phân phối các sản phẩm đó vào thị trường. Chúng tôi giảm thiểu rủi ro này bằng cách hình thành một hệ thống vững chắc có khả năng tương thích nhanh chóng. Thêm vào đó, sức mạnh và lòng trung thành của các thành viên trong mạng lưới của chúng tôi cũng sẽ góp phần giảm thiểu những rủi ro thực thi trong quá trình triển khai sản phẩm mới.

Thêm vào đó, sức mạnh và lòng trung thành của các thành viên trong mạng lưới của chúng tôi cũng sẽ góp phần giảm thiểu những rủi ro thực thi trong quá trình triển khai sản phẩm mới.

RỦI RO TỪ NHU CẦU CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

Khả năng dự báo những thay đổi trong xu hướng và nhu cầu của người tiêu dùng là một trong những yếu tố thành công cốt lõi và một khi không dự báo trước được, những rủi ro nghiêm trọng có thể xảy ra. Nhằm giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn KIDO đã tận dụng quá trình Hình thành Giá trị nhằm tích cực quản lý các phản hồi từ người tiêu dùng, giúp giảm thiểu rủi ro đến từ các thay đổi trong nhu cầu của người tiêu dùng.

Các rủi ro chính (Tiếp theo)

“Một trong những yếu tố thành công cốt lõi của chúng tôi là có được mạng lưới các mối quan hệ bền vững với các nhà bán lẻ và nhà phân phối nhằm giữ vững độ phủ của sản phẩm, thâm nhập vào thị trường và tăng trưởng doanh thu.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

RỦI RO QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Một trong những yếu tố thành công cốt lõi của chúng tôi là có được mạng lưới các mối quan hệ bền vững với các nhà bán lẻ và nhà phân phối nhằm giữ vững độ phủ của sản phẩm, thâm nhập vào thị trường và tăng trưởng doanh thu. Nếu không duy trì các mối quan hệ trên, Tập đoàn KIDO có khả năng đối mặt với rủi ro này và nhằm giảm thiểu điều đó, chúng tôi luôn cam kết mang đến cho người tiêu dùng dịch vụ khách hàng vượt trội, được hỗ trợ bằng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại cho phép chúng tôi kết nối với phần sau của chuỗi giá trị. Cụ thể, chúng tôi có thể theo dõi trực tuyến lượng hàng tồn kho, quá trình bán hàng, và phản hồi từ phía khách hàng, tạo nên một hệ thống vững chắc góp phần phát triển mối quan hệ với các khách hàng.

BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Biến động về giá nguyên vật liệu có thể đem đến những rủi ro về cả lợi nhuận và biên lợi nhuận. Nhằm giảm thiểu rủi ro, chúng tôi giải quyết rủi ro này với các nhà cung cấp. Chúng tôi cung cấp trước cho họ một kế hoạch sản xuất rõ ràng và khóa giá trong một khoảng thời gian nhằm cố định chi phí sản xuất.

RỦI RO TÀI CHÍNH

RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là kết quả trực tiếp từ sự chênh lệch nguồn thu ngoại tệ và nguồn vốn vay ngoại tệ của chúng tôi. Bằng mọi nỗ lực có thể, chúng tôi luôn

cố gắng cân bằng nguồn ngoại tệ đầu vào với nguồn ngoại tệ đầu ra nhằm giảm thiểu rủi ro ngoại tệ.

RỦI RO NGUỒN VỐN VÀ RỦI RO THANH KHOẢN

Những thay đổi biến động tại thị trường tài chính thế giới và khu vực có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lãi suất, từ đó dẫn đến những rủi ro liên quan đến lợi nhuận, tính thanh khoản và nguồn vốn. Nhằm giảm thiểu những rủi ro này, chúng tôi liên tục cập nhật thị trường và theo dõi chặt chẽ những kỳ hạn nợ vay nhằm cân bằng dòng tiền hoạt động với các khoản chi trả. Khi thị trường sụt giảm và tính thanh khoản hạn chế, chúng tôi sẽ chủ động cắt giảm nợ vay bằng cách sử dụng tiền mặt sẵn có và/hoặc các khoản tương đương tiền để tài trợ cho vốn lưu động.

Khi thị trường sụt giảm và tính thanh khoản hạn chế, chúng tôi sẽ chủ động cắt giảm nợ vay bằng cách sử dụng tiền mặt sẵn có và/hoặc các khoản tương đương tiền để tài trợ cho vốn lưu động.



TRÁCH NHIỆM
Cộng đồng
của doanh nghiệp

Trách nhiệm Cộng đồng của doanh nghiệp

Tầm nhìn của KIDO

TRONG SUỐT LỊCH SỬ
PHÁT TRIỂN
KIDO LUÔN
THỰC HIỆN
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG
BẰNG TÂM HUYẾT CỦA CẢ ĐỘI NGŨ

Chúng tôi luôn ý thức và thực hiện nghiêm ngặt những tiêu chí sản xuất xanh sạch. Các nỗ lực của KIDO nhằm bảo vệ môi trường luôn được các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các đoàn thể, cộng đồng dân cư xung quanh đánh giá cao.

Trong suốt lịch sử phát triển, cam kết về trách nhiệm doanh nghiệp được Tập đoàn KIDO thực hiện trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất, phát triển sản phẩm, chăm lo cho đời sống CBCNV đến việc đóng góp cho cộng đồng bằng tâm huyết của cả một đội ngũ. Những sản phẩm chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng; dịch vụ bán hàng tận tâm, uy tín với khách hàng, đối tác; những sẻ chia kịp thời với đồng bào thiên tai; những tấm thẻ bảo hiểm y tế nghĩa tình; những ca mổ mắt cho người nghèo; những phần quà ngập tràn hương Xuân cho trẻ em mồ côi, khuyết tật; những đìu dắt nâng bước cho học sinh, sinh viên trên cả nước... Tất cả cho thấy phát triển kinh doanh gắn kết trách nhiệm cộng đồng & xã hội đã trở thành nét văn hóa của KIDO, đem lại cho đối tác niềm tin, đảm bảo sự hài lòng cho khách hàng, sự gắn bó bền vững của nhà cung cấp và sự tin yêu của người tiêu dùng.

Cam kết của KIDO

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Với KIDO, chất lượng sản phẩm không chỉ là việc sản xuất ra các sản phẩm hợp khẩu vị, đúng sở thích mà còn phải tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. KIDO không ngừng nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu an toàn, chất lượng và ổn định, đầu tư công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm liên tục tạo ra những sản phẩm mới, độc đáo, an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mọi đối tượng người tiêu dùng.

CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KIDO cho rằng một tổ chức chỉ có thể phát triển bền vững trong một môi trường bền vững. Chúng tôi luôn ý thức và thực hiện nghiêm ngặt những tiêu chí sản xuất xanh sạch. Các nỗ lực của KIDO nhằm bảo vệ môi trường luôn được các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các đoàn thể, cộng đồng dân cư xung quanh đánh giá cao.

- ✓ Quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn ISO 14001-2005, OHSAS 18001-2008, ISO 9001-2008, ISO 22000-2010...
- ✓ Áp dụng các quy định, quy trình, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường vào KPIs của các cá nhân, thường xuyên huấn luyện nhân viên về việc nâng cao ý thức về môi trường, thực hành các biện pháp ứng phó với các sự cố ảnh hưởng đến môi trường.
- ✓ Luôn tuân thủ và thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy định về môi trường (nước thải luôn đạt loại A, quan trắc môi trường tốt, sử dụng nhiên liệu sạch như dầu diesel, gas ít phát thải ô nhiễm môi trường, tiếp tục đầu tư biến tần cho các thiết bị có công suất lớn, sử dụng năng lượng mặt trời thay thế các thiết bị chiếu sáng bằng bóng đèn LED, giảm lượng nước thải & tái sử dụng nước thải đã qua xử lý...)

CAM KẾT VÌ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Thành công đáng tự hào của KIDO không phải nằm ở kết quả kinh doanh tăng trưởng vững mạnh mà là ở sự đồng hành, tin tưởng, ủng hộ của các đối tác, cổ đông - nhà đầu tư, người tiêu dùng, cộng đồng và người lao động trong suốt hành trình.

Người tiêu dùng tin tưởng, ủng hộ sản phẩm của KIDO vì chúng tôi là thương hiệu gắn liền cùng chất lượng và những giá trị nhân văn thông qua các hoạt động chia sẻ cùng cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thực hiện liên tục trong nhiều năm qua. Đối tác, nhà đầu tư tin tưởng KIDO vì chúng tôi luôn hoạt động kinh doanh với một chữ tâm bền vững và sâu sắc.



Trách nhiệm Cộng đồng của doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các hoạt động CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI NĂM 2015

Tổng kết năm 2015, KIDO đã dành hơn 6,7 tỷ đồng cho các hoạt động vì cộng đồng, xã hội.

DÀNH 750 TRIỆU CHĂM LO TẾT ẤT MÙI CHO TRẺ EM VÀ CÁC HỘ GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN

Tháng 01, 02/2015, KIDO đã phối hợp cùng Hội Chữ thập đỏ TP.HCM, Hội Phụ nữ Từ thiện Thành phố, Hội Cựu chiến binh, Quỹ Học bổng Vừa A Dính,... cùng một số đơn vị, cơ quan hữu quan đến thăm và tặng hơn 5.000 phần quà Tết cho trẻ em nghèo; cựu chiến binh; các hộ gia đình khó khăn cùng các giáo viên, học sinh nghèo, dân tộc thiểu số tại miền biên giới các tỉnh Kiên Giang, Kon Tum, Bình Phước....

Cũng trong khoảng thời gian này, Ban lãnh đạo KIDO phối hợp cùng UBMTTQ TP.HCM trực tiếp đến thăm hỏi và tặng các phần quà xuân ý nghĩa cho các trẻ em cơ nhỡ, người khuyết tật và người già neo đơn tại 11 trung tâm, mái ấm, nhà mở trên địa bàn TP. HCM và tỉnh Bình Dương.

DÀNH 2 TỶ ĐỒNG CÙNG "KIẾN TẠO NHỊP CẦU" TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY

Tập đoàn KIDO và tập thể CBCNV đã dành hơn 2 tỷ đồng để ủng hộ triển khai xây dựng các cây cầu bằng bê tông kiên cố thay thế những chiếc cầu khỉ tạm bợ, nguy hiểm trong dự án "Kiến tạo Nhịp cầu" (Build a Bridge). Có tổng cộng 5 chiếc cầu đầu tư nghiêm túc trong nghiên cứu, khảo sát và thiết kế đã hoàn thành và đưa vào hoạt động trong dự án này: cầu Một Thước, cầu Sinh Chanh 1&2, cầu Lợi Trinh (tỉnh Tiền Giang), cầu Thủy Tân (điểm Cã Ràng) và cầu TĐ 15-7 (tỉnh Long An).

DÀNH 500 TRIỆU TRAO 2.000 THẺ BẢO HIỂM VÀ CÁC PHẦN QUÀ CHO CÁC HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

Đầu năm 2015, KIDO và Hội BTBNN đã trao 2.000 thẻ bảo hiểm y tế và các phần quà cho các hộ cận nghèo tại quận 4, quận Tân Bình và quận Tân

Phú. Đây là hoạt động thường niên được KIDO phối hợp cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố triển khai từ năm 2010, trong 18 năm đồng hành cùng đơn vị này trong các hoạt động vì cộng đồng.

DÀNH 100 TRIỆU ĐỒNG VÀ 500 THÙNG MÌ ĐẠI GIA ĐÌNH CHUNG TAY VÌ NGƯỜI DÂN QUẢNG NINH

Những ngày cuối tháng 07 đầu tháng 08/2015, đồng bào Quảng Ninh phải hứng chịu những tổn thất nặng nề từ những trận lũ lịch sử do những cơn mưa cường độ lớn kéo dài. Tập đoàn KIDO đã phối hợp cùng Trung ương Đoàn tỉnh Quảng Ninh kịp thời trao 100 triệu đồng tiền mặt và 500 thùng mì Đại Gia Đình đến tận tay người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong đợt lũ lụt này.

DÀNH 3 TỶ ĐỒNG CHO CHƯƠNG TRÌNH "NỮ SINH VIÊN VIỆT NAM DUYÊN DÁNG 2015"

KIDO năm thứ 3 liên tiếp tài trợ cho chương trình "Nữ sinh viên Việt Nam duyên dáng 2015" chấp cánh ước mơ cho các bạn nữ sinh viên trên toàn quốc.

NHIỀU HOẠT ĐỘNG Ý NGHĨA KHÁC:

Trao 500 phần quà cho người nghèo, cận nghèo tại quận 4 (TP. HCM); Tài trợ giải Bóng đá trẻ U21 Quốc gia (báo Thanh niên), dành 700 phần quà cùng Hội Doanh nhân trẻ tặng cho đồng bào dân tộc tại tỉnh Gia Lai, tài trợ 200 triệu sửa chữa nâng cấp Trạm Y tế xã Triệu Hòa (tỉnh Quảng Trị), hỗ trợ 100 triệu xây dựng đình làng Tĩnh Cách (tỉnh Hải Dương)...



1. Khánh thành và bàn giao cầu Một Thước.
2. Khởi công cầu Thủy Tân, huyện Thanh Hóa, Long An.
3. Khánh thành và bàn giao cầu TĐ 15-7, huyện Thủ Thừa, Long An.
4. KIDO ủng hộ Quỹ Vì người nghèo của UBMTTQ TP.HCM
- 5,9. KIDO trao tặng 2.000 phần quà và thẻ BHYT cho các hộ nghèo.
- 6,7,8. KIDO hoạt động thiện nguyện vì người nghèo vùng sâu vùng xa.
10. KIDO ủng hộ cứu trợ lũ lụt tại tỉnh Quảng Ninh.
11. KIDO tài trợ Giải Bóng đá U21 Quốc gia.



Cam kết TĂNG TRƯỞNG

Chúng tôi cam kết tìm kiếm và hiện thực hóa các cơ hội tăng trưởng mới trong ngành “Thực phẩm & Gia vị”. Chúng tôi hướng đến tăng trưởng bền vững trong lĩnh vực này bằng nền tảng, con người, và sản phẩm.



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Cao Thuận	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên	
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành. Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Số tham chiếu: 60752643/17794978-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập vào ngày 29 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2016



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

B01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

		VNĐ		
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.093.457.988.546	4.303.376.822.799
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.151.036.779.095	2.467.177.548.607
111	1. Tiền		120.536.779.095	621.395.548.607
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.030.500.000.000	1.845.782.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	1.908.782.914.101	700.100.705.600
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.953.207.644	8.299.143
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(268.293.543)	(5.593.543)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.905.098.000.000	700.098.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	893.540.890.433	768.190.237.623
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		239.150.094.374	179.621.469.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		78.210.591.658	48.574.973.685
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		591.097.167.264	543.211.380.882
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.916.962.863)	(11.217.586.213)
140	IV. Hàng tồn kho	7	94.935.620.376	333.740.449.970
141	1. Hàng tồn kho		95.435.479.673	345.171.757.188
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(499.859.297)	(11.431.307.218)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.161.784.541	34.167.880.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	7.682.949.541	19.009.034.891
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36.547.776.266	13.217.668.176
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	931.058.734	1.941.177.932
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.630.651.053.841	3.572.499.687.664
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	27.173.813.506	33.887.914.522
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		19.604.707.562	20.754.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		7.569.105.944	13.133.206.960
220	II. Tài sản cố định		662.259.512.810	1.590.504.825.269
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	260.223.477.234	943.619.841.486
222	Nguyên giá		434.244.877.646	1.903.912.064.965
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(174.021.400.412)	(960.292.223.479)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	402.036.035.576	646.884.983.783
228	Nguyên giá		439.243.824.854	778.091.532.845
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(37.207.789.278)	(131.206.549.062)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	18.871.519.542
231	1. Nguyên giá		-	34.524.970.816
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	(15.653.451.274)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		86.912.543.211	22.878.158.403
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	86.912.543.211	22.878.158.403
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		1.740.600.933.084	1.480.145.599.984
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát	13.2	1.736.233.933.084	1.471.505.599.984
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	4.367.000.000	8.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		113.704.251.230	426.211.669.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	83.911.151.926	109.761.473.819
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	29.793.099.304	35.823.601.560
269	3. Lợi thế thương mại	4.3	-	280.626.594.565
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.724.109.042.387	7.875.876.510.463

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01 - DN/HN

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.358.536.776.057	1.588.185.320.865
310	I. Nợ ngắn hạn		1.302.221.009.501	1.535.881.366.903
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	148.144.817.026	278.038.773.915
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.272.596.174	37.066.122.475
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	862.351.636.378	50.654.459.117
314	4. Phải trả người lao động		28.315.019.674	72.187.442.899
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	100.106.352.319	309.731.144.714
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		742.424.242	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	16.419.606.267	186.263.372.486
320	8. Vay ngắn hạn	18.1	116.390.507.109	553.318.491.711
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.478.050.312	48.621.559.586
330	II. Nợ dài hạn		56.315.766.556	52.303.953.962
337	1. Phải trả dài hạn khác		10.190.291.846	13.263.005.860
338	2. Vay dài hạn	18.2	36.500.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		9.625.474.710	39.040.948.102
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	5.365.572.266.330	6.287.691.189.598
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.365.572.266.330	6.287.691.189.598
411	1. Vốn cổ phần	19.1	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	3.192.083.261.700	3.274.294.092.589
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(1.958.652.945.062)	(805.826.191.900)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	15.909.752.661	15.909.752.661
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.398.947.279.604	1.084.533.422.015
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		-	548.087.782.906
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.398.947.279.604	536.445.639.109
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19.6	99.588.031.160	101.083.227.966
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.724.109.042.387	7.875.876.510.463

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02 - DN/HN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.234.107.464.606	5.125.718.821.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(93.982.717.729)	(181.648.371.391)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.140.124.746.877	4.944.070.449.686
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.964.677.341.321)	(2.806.830.526.554)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.175.447.405.556	2.137.239.923.132
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	6.706.586.247.768	144.327.090.430
22	7. Chi phí tài chính	22	(90.894.051.049)	(26.185.496.926)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.787.939.086)	(20.731.742.626)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	13.2	132.729.226.486	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	(897.210.836.169)	(1.206.020.159.379)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(350.964.178.986)	(417.538.749.182)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.675.693.813.606	631.822.608.075
31	12. Thu nhập khác	26	11.148.941.897	53.342.742.087
32	13. Chi phí khác	26	(4.540.604.033)	(22.206.887.935)
40	14. Lợi nhuận khác	26	6.608.337.864	31.135.854.152
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.682.302.151.470	662.958.462.227
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(1.414.098.973.037)	(121.010.750.584)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.1	1.479.650.345	(4.823.411.040)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.269.682.828.778	537.124.300.603
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5.269.944.960.501	536.445.639.109
62	20. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19.6	(262.131.723)	678.661.494
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	22.581	2.296
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	22.581	2.296



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03 - DN/HN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.682.302.151.470	662.958.462.227
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		174.976.445.311	228.177.812.126
03	Các khoản dự phòng		12.072.052.844	(3.645.632.092)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(226.608.917)	1.088.936.313
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.800.099.171.435)	(164.123.838.658)
06	Chi phí lãi vay	22	21.787.939.086	20.731.742.626
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		90.812.808.359	745.187.482.542
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(271.186.392.163)	256.401.523.404
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		31.715.749.858	(27.541.874.716)
11	Tăng các khoản phải trả		127.127.690.448	223.307.678.845
12	Giảm chi phí trả trước		2.848.141.549	4.101.698.273
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(3.944.908.501)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.078.866.372)	(21.282.447.042)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(81.862.133.219)	(133.990.327.246)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.085.699.862)	(24.120.482.181)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(154.653.609.903)	1.022.063.251.879
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(226.856.370.191)	(68.551.321.859)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		13.361.223.668	34.756.383.243
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(1.935.000.000.000)	(986.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		730.000.000.000	321.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(93.020.570.683)	(888.517.220.554)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.299.890.797.742	13.803.141.557
	Tiền thuế phải nộp từ thanh lý các khoản đầu tư		(500.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		177.726.288.982	490.438.131.635
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		5.466.101.369.518	(1.082.370.885.978)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.820.236.643.412
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(1.322.183.110.162)	(483.843.631.000)
33	Tiền vay nhận được	18	1.783.168.184.628	1.091.009.194.315
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2.153.596.169.230)	(1.479.176.474.561)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	19.4	(4.935.049.035.030)	(378.105.677.007)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	19.6	(92.001.259)	(920.240.481)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(6.627.752.131.053)	569.199.814.678
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(1.316.304.371.438)	508.892.180.579
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	2.467.177.548.607	1.958.064.548.124
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		163.601.926	220.819.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.151.036.779.095	2.467.177.548.607

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa; và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.293 (31 tháng 12 năm 2014: 7.318).

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên KIDO (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong KIDO, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 80% vốn chủ sở hữu trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75,73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 – 536, Phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KDT”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDT, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KDT có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm KIDO (“KDF”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDF, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KDF có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty liên kết

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”)

KDC sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.

Vocarimex có trụ sở đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam (“MKD”)

KDC sở hữu 20% vốn chủ sở hữu trong MKD, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của MKD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

MKD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu gián tiếp 20% vốn chủ sở hữu của NKD, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu bởi MKD được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0900178525 do SKHĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 25 tháng 1 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của NKD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bản Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Liên doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của KDC ("Công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối/lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã đề cập tại Thuyết minh số 31.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, thay thế Phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.

chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.

giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Lợi thế quyền thuê đất	20 - 55 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 năm
Tài sản khác	8 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, theo quy định của Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 không còn đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Theo đó, các khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 chưa phân bổ hết được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam ("MKD")

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 79,92% vốn cổ phần mà Tập đoàn sở hữu trong MKD, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương, cho Cadbury Enterprises Pte., Ltd. ("Cadbury"), một công ty con của Mondelez International, như đã được các cổ đông chấp thuận và thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường (ĐHĐCĐBT) ngày 1 tháng 12 năm 2014. Việc chuyển nhượng này làm giảm quyền sở hữu của Tập đoàn trong MKD từ 99,92% xuống còn 20%. Theo đó, Tập đoàn không còn quyền kiểm soát đối với MKD và do đó Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư còn lại tại MKD như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Tập đoàn cũng đồng thời mất quyền kiểm soát đối với NKD, một công ty con của MKD.

Tổng giá phí từ việc chuyển nhượng trên là 7.595.745.608.326 VNĐ đã được thống nhất giữa Tập đoàn và Cadbury. Theo đó, số tiền lãi từ việc chuyển nhượng này là 6.521.334.602.304 VNĐ đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.2 Sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico")

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2015, Vinabico đã được sáp nhập toàn bộ vào Tập đoàn theo Hợp đồng Sáp nhập ngày 31 tháng 1 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 ngày 26 tháng 2 năm 2015. Sau khi sáp nhập, Vinabico không còn hoạt động như là một pháp nhân độc lập như trước đây. Theo đó, toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Vinabico đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Giá trị còn lại của lợi thế thương mại, lợi thế quyền thuê đất và các khoản điều chỉnh tăng theo giá trị hợp lý của tài sản xác định tại ngày mua Vinabico với tổng số tiền là 36.923.655.663 VNĐ được ghi nhận vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mười (10) năm kể từ ngày mua. Chi tiết được trình bày như sau:

	VNĐ
Nguyên giá	
Số đầu năm	454.779.126.272
Thanh lý các công ty con	(392.255.562.815)
Sáp nhập công ty con	(59.876.245.528)
Số cuối năm	2.647.317.929
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	174.152.531.707
Hao mòn trong năm	20.609.090.571
Thanh lý các công ty con	(161.748.359.892)
Sáp nhập công ty con	(30.365.944.457)
Số cuối năm	2.647.317.929
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	280.626.594.565
Số cuối năm	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.414.888.014	9.362.694.558
Tiền gửi ngân hàng	119.121.891.081	610.501.854.049
Tiền đang chuyển	-	1.531.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.030.500.000.000	1.845.782.000.000
TỔNG CỘNG	1.151.036.779.095	2.467.177.548.607

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,7% đến 6,0% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	239.150.094.374	179.621.469.269
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>13.266.679.104</i>	<i>30.568.767.234</i>
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phú</i>	<i>115.760.235.352</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phát</i>	<i>90.194.488.110</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	<i>19.928.691.808</i>	<i>149.052.702.035</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	78.210.591.658	48.574.973.685
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>-</i>	<i>13.755.048.742</i>
<i>Công ty TNHH MTV Quốc Thuận Phát</i>	<i>16.862.488.213</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Tân Việt Tín</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>GEA Processing Engineering Pte. Ltd.</i>	<i>9.113.758.080</i>	<i>-</i>
<i>Teknoice S.R.L</i>	<i>8.728.204.091</i>	<i>15.529.728.700</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>33.506.141.274</i>	<i>19.290.196.243</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	591.097.167.264	543.211.380.882
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex (*)</i>	<i>473.750.573.417</i>	<i>467.750.573.417</i>
<i>Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư</i>	<i>62.685.833.794</i>	<i>29.604.096.321</i>
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	<i>27.793.194.444</i>	<i>28.713.004.976</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>17.834.096.824</i>	<i>1.450.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>9.033.468.785</i>	<i>17.142.256.168</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(22.916.962.863)	(11.217.586.213)
GIÁ TRỊ THUẦN	893.540.890.433	768.190.237.623

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Tập đoàn đã chấp thuận kế hoạch mua thêm cổ phần của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam ("Vocarimex") để tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex lên trên 51%. Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền tạm ứng cho việc mua thêm cổ phần của Vocarimex như kế hoạch đã trình bày. Chi tiết như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	187.635.222.000	187.635.222.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	134.743.665.932	134.743.665.932
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	110.107.200.000	110.107.200.000
Khác	41.264.485.485	35.264.485.485
TỔNG CỘNG	473.750.573.417	467.750.573.417

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.217.586.213	11.287.129.493
Dự phòng trích lập trong năm	22.916.962.863	3.217.586.213
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.217.586.213)	(3.287.129.493)
Số cuối năm	22.916.962.863	11.217.586.213

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	34.045.311.297	187.640.895.041
Thành phẩm	28.065.993.519	55.542.223.591
Công cụ, dụng cụ	20.524.083.515	39.815.078.721
Hàng hóa	10.661.923.380	16.761.055.797
Khác	2.138.167.962	45.412.504.038
TỔNG CỘNG	95.435.479.673	345.171.757.188
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(499.859.297)	(11.431.307.218)
GIÁ TRỊ THUẦN	94.935.620.376	333.740.449.970

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị còn lại là 70.894.939.824 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

7. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.431.307.218	13.916.436.529
Dự phòng trích lập trong năm	3.615.519.634	11.431.307.218
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.431.307.218)	(13.916.436.529)
Thanh lý các công ty con	(3.115.660.337)	-
Số cuối năm	499.859.297	11.431.307.218

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	4.415.355.154	3.815.982.201
Công cụ và dụng cụ	2.850.293.320	13.304.421.757
Khác	417.301.067	1.888.630.933
	7.682.949.541	19.009.034.891
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	59.697.963.166	60.994.973.604
Công cụ và dụng cụ	20.599.004.714	42.209.715.252
Khác	3.614.184.046	6.556.784.963
	83.911.151.926	109.761.473.819
TỔNG CỘNG	91.594.101.467	128.770.508.710

Tập đoàn đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 8.416.329.715 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 18.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	19.604.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	7.569.105.944	13.133.206.960
TỔNG CỘNG	27.173.813.506	33.887.914.522

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ					
	Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu năm	412.544.285.669	1.277.638.485.564	137.689.356.205	76.039.937.527	1.903.912.064.965	
Mua mới	-	12.207.902.504	25.914.692.323	12.796.002.644	50.918.597.471	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.166.654.824	25.901.990.448	5.452.665.907	1.245.283.000	39.766.594.179	
Phân loại lại	(5.408.660.937)	4.975.870.527	283.055.146	149.735.264	-	
Thanh lý trong năm	(9.539.180.318)	(23.109.580.567)	(13.715.690.544)	(3.259.030.674)	(49.623.482.103)	
Thanh lý các công ty con	(330.862.808.359)	(1.057.020.373.129)	(55.610.398.337)	(63.838.728.427)	(1.507.332.308.252)	
Sáp nhập công ty con	-	(3.396.588.614)	-	-	(3.396.588.614)	
Số cuối năm	73.900.290.879	237.197.706.733	100.013.680.700	23.133.199.334	434.244.877.646	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	989.349.132	11.460.279.968	6.068.646.519	8.873.226.244	27.391.501.863	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	139.160.046.993	699.406.128.913	72.160.757.289	49.565.290.284	960.292.223.479	
Khấu hao trong năm	14.948.098.867	61.411.617.949	13.676.752.570	6.620.565.936	96.657.035.322	
Phân loại lại	(4.678.879.484)	2.475.200.399	(65.983.414)	2.269.662.499	-	
Thanh lý trong năm	(7.456.999.316)	(21.752.361.147)	(9.217.418.811)	(1.249.355.119)	(39.676.134.393)	
Thanh lý các công ty con	(123.343.521.812)	(638.026.543.667)	(35.762.141.959)	(43.013.654.736)	(840.145.862.174)	
Sáp nhập công ty con	-	(3.105.861.822)	-	-	(3.105.861.822)	
Số cuối năm	18.628.745.248	100.408.180.625	40.791.965.675	14.192.508.864	174.021.400.412	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	273.384.238.676	578.232.356.651	65.528.598.916	26.474.647.243	943.619.841.486	
Số cuối năm	55.271.545.631	136.789.526.108	59.221.715.025	8.940.690.470	260.223.477.234	

Tập đoàn đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tương ứng là 35.510.411.442 VNĐ và 121.114.564.416 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	16.591.966.348	351.278.278.770	75.338.149.382	55.268.061.157	277.615.077.188	2.000.000.000	778.091.532.845
Mua mới	-	-	6.080.002.989	-	-	-	6.080.002.989
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	4.620.000.000	-	-	-	4.620.000.000
Phân loại lại	-	-	2.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	-
Thanh lý trong năm	-	-	(457.000.000)	-	-	-	(457.000.000)
Thanh lý các công ty con	-	(1.277.630.720)	(37.517.732.689)	(47.120.861.247)	(255.027.286.414)	-	(340.943.511.070)
Sáp nhập công ty con	-	-	-	(8.147.199.910)	-	-	(8.147.199.910)
Số cuối năm	16.591.966.348	350.000.648.050	50.063.419.682	-	22.587.790.774	-	439.243.824.854
Trong đó:							
Đã hao mòn hết	-	-	638.852.260	-	-	-	638.852.260
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số đầu năm	6.636.786.540	1.088.867.175	41.219.858.701	10.857.267.350	69.403.769.296	2.000.000.000	131.206.549.062
Hao mòn trong năm	1.659.196.634	10.106.832	7.679.827.610	769.498.539	9.381.339.625	-	19.499.969.240
Phân loại lại	-	-	2.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	-
Thanh lý trong năm	-	-	(50.777.778)	-	-	-	(50.777.778)
Thanh lý các công ty con	-	(950.843.160)	(29.143.917.892)	(10.602.193.779)	(71.726.424.305)	-	(112.423.379.136)
Sáp nhập công ty con	-	-	-	(1.024.572.110)	-	-	(1.024.572.110)
Số cuối năm	8.295.983.174	148.130.847	21.704.990.641	-	7.058.684.616	-	37.207.789.278
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	9.955.179.808	350.189.411.595	34.118.290.681	44.410.793.807	208.211.307.892	-	646.884.983.783
Số cuối năm	8.295.983.174	349.852.517.203	28.358.429.041	-	15.529.106.158	-	402.036.035.576

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà máy	58.982.459.761	2.331.277.842
Lắp đặt máy móc	26.927.666.141	4.304.457.182
Khác	1.002.417.309	16.242.423.379
TỔNG CỘNG	86.912.543.211	22.878.158.403

Tập đoàn đã sử dụng tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai với giá trị tạm tính là 48.587.260.108 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 18.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3.684.914.101		2.705.600
Cổ phiếu niêm yết	124.285	3.953.207.644	206	8.299.143
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(268.293.543)		(5.593.543)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.905.098.000.000		700.098.000.000
Tiền gửi ngân hàng		1.905.000.000.000		700.000.000.000
<i>Trong đó:</i>				
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		1.905.000.000.000		-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		-		700.000.000.000
Đầu tư khác		98.000.000		98.000.000
GIÁ TRỊ THUẦN		1.908.782.914.101		700.100.705.600

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

	Giá trị đầu tư			
Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm
	%	VND	%	VND
Lavenue	50,0	1.041.034.233.886	50,0	1.050.000.000.000
Vocarimex	24,0	481.798.294.599	24,0	421.505.599.984
MKD	20,0	213.401.404.599	-	-
TỔNG CỘNG		1.736.233.933.084		1.471.505.599.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VNĐ			
	Lavenue	Vocarimex	MKD	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:				
Số đầu năm	1.050.000.000.000	421.505.599.984	-	1.471.505.599.984
Tăng giá trị đầu tư	-	-	131.999.106.614	131.999.106.614
Số cuối năm	1.050.000.000.000	421.505.599.984	131.999.106.614	1.603.504.706.598
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát				
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	(8.965.766.114)	60.292.694.615	81.402.297.985	132.729.226.486
Số cuối năm	(8.965.766.114)	60.292.694.615	81.402.297.985	132.729.226.486
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.050.000.000.000	421.505.599.984	-	1.471.505.599.984
Số cuối năm	1.041.034.233.886	481.798.294.599	213.401.404.599	1.736.233.933.084

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	8.640.000.000

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	23.784.848.083	12.092.229.596
Công ty TNHH Truyền thông WPP	42.143.562.686	-
Phải trả người bán khác	82.216.406.257	265.946.544.319
TỔNG CỘNG	148.144.817.026	278.038.773.915

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	30.883.324.704	857.214.406.252
Thuế giá trị gia tăng	11.574.291.311	2.958.016.360
Các loại thuế khác	6.255.665.170	1.248.155.032
TỔNG CỘNG	48.713.281.185	861.420.577.644
Trong đó:		
Thuế nộp thừa	(1.941.177.932)	(931.058.734)
Thuế phải nộp	50.654.459.117	862.351.636.378
Phải nộp trong năm	1.636.926.663.964	(12.367.606.804)
Đã nộp trong năm	(811.851.760.701)	(506.496.733)
Thanh lý các công ty con	(5.905.758.270)	(5.955.351.801)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Vay dài hạn từ ngân hàng	36.500.000.000	-	

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng CTBC Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	7.000.000.000	7,0	Ngày 12 tháng 2 năm 2018	Máy móc, thiết bị, nhà xưởng và kho lạnh trị giá 63.496.706.073 VND
	29.500.000.000	6,5	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2018	
TỔNG CỘNG	36.500.000.000			

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:								
Số đầu năm	1.676.282.700.000	2.344.308.719.177	(152.626.203.900)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	946.605.704.726	4.881.643.588.931
Phát hành cổ phiếu cho công nhân viên	65.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-	-	-	117.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	400.000.000.000	1.303.236.643.412	-	-	-	-	-	1.703.236.643.412
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	425.251.270.000	(425.251.270.000)	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(653.199.988.000)	-	-	-	-	(653.199.988.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	536.445.639.109	536.445.639.109
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(378.772.028.000)	(378.772.028.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(14.817.893.820)	(14.817.893.820)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(4.928.000.000)	(4.928.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.274.294.092.589	(805.826.191.900)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	1.084.533.422.015	6.186.607.961.632
Năm nay:								
Số đầu năm (trình bày trước đây)	2.566.533.970.000	3.274.294.092.589	(805.826.191.900)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	1.084.533.422.015	6.186.607.961.632
Phân loại lại (Thuyết minh số 31)	-	-	-	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-	-	-
Số đầu năm (được phân loại lại)	2.566.533.970.000	3.274.294.092.589	(805.826.191.900)	51.162.916.267	-	15.909.752.661	1.084.533.422.015	6.186.607.961.632
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.152.826.753.162)	-	-	-	-	(1.152.826.753.162)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.269.944.960.501	5.269.944.960.501
Thanh lý các công ty con	-	(82.210.830.889)	-	-	-	-	-	(82.210.830.889)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(6.285.141.912)	(6.285.141.912)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(10.862.000.000)	(10.862.000.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(4.938.383.961.000)	(4.938.383.961.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.958.652.945.062)	51.162.916.267	-	15.909.752.661	1.398.947.279.604	5.265.984.235.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	2.566.533.970.000	1.676.282.700.000
Vốn tăng trong năm	-	890.251.270.000
Số cuối năm	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000

19.3 Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ do Tập đoàn nắm giữ	(50.992.335)	(14.468.287)
<i>Trong đó: được nắm giữ bởi Công ty</i>	<i>(50.992.256)</i>	<i>(14.468.208)</i>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.062	242.185.110

19.4 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	4.938.383.961.000	378.772.028.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Cổ tức năm 2014: 1.000 VNĐ/cổ phiếu (2013: 1.000 VNĐ/cổ phiếu)</i>	<i>235.161.141.000</i>	<i>378.772.028.000</i>
<i>Cổ tức đặc biệt: 20.000 VNĐ/cổ phiếu</i>	<i>4.703.222.820.000</i>	<i>-</i>
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	4.935.049.035.030	378.105.677.007

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 12 tháng 3 năm 2015, các cổ đông của Tập đoàn đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đặc biệt bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Tập đoàn trong năm 2015 tại mức 200% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, Tập đoàn đã nhận được Quyết định số 788/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận kế hoạch chi trả cổ tức này vào ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn đã hoàn tất việc nộp Báo cáo về việc chi trả cổ tức nêu trên cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	5.269.944.960.501	536.445.639.109
<i>Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ)</i>	<i>(6.285.141.912)</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	5.263.659.818.589	536.445.639.109
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	233.105.116	233.608.225
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (<i>Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ</i>)	22.581	2.296

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	101.083.227.966	1.571.612.339
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	99.535.883.601
(Lỗ) lợi nhuận trong năm	(262.131.723)	678.661.494
Cổ tức đã trả	(92.001.259)	(920.240.481)
Thanh lý các công ty con	(1.141.063.824)	-
Các khoản khác	-	217.311.013
Số cuối năm	99.588.031.160	101.083.227.966

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.234.107.464.606	5.125.718.821.077
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm đã bán</i>	<i>2.598.063.094.381</i>	<i>5.027.197.963.283</i>
<i>Doanh thu hàng hóa đã bán</i>	<i>631.411.708.473</i>	<i>95.277.259.191</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.632.661.752</i>	<i>3.243.598.603</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>392.634.524</i>	<i>26.280.035.428</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>3.233.714.830.082</i>	<i>5.099.438.785.649</i>
Giảm trừ doanh thu	(93.982.717.729)	(181.648.371.391)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(68.213.415.455)</i>	<i>(102.808.662.844)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(25.769.302.274)</i>	<i>(78.839.708.547)</i>
DOANH THU THUẦN	3.140.124.746.877	4.944.070.449.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	6.523.061.602.306	1.456.767.250
Lãi tiền gửi	176.753.273.339	138.966.526.733
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.460.697.985	3.183.710.423
Khác	310.674.138	720.086.024
TỔNG CỘNG	6.706.586.247.768	144.327.090.430

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.526.676.879.150	2.750.536.925.604
Giá vốn của hàng hóa đã bán	432.392.992.690	54.532.662.240
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.286.694.514	2.573.389.029
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.815.787.584)	(2.485.129.311)
Khác	12.136.562.551	1.672.678.992
TỔNG CỘNG	1.964.677.341.321	2.806.830.526.554

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn tài chính	51.609.786.406	-
Chi phí lãi vay	21.787.939.086	20.731.742.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.337.635.683	4.861.725.544
Khác	3.158.689.874	592.028.756
TỔNG CỘNG	90.894.051.049	26.185.496.926

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	272.010.578.232	386.806.764.412
Quảng cáo và khuyến mãi	299.559.730.302	235.224.095.021
Chi phí mua ngoài	158.286.853.600	214.020.844.024
Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	60.404.832.599	71.613.740.724
Khấu hao và hao mòn	38.844.551.267	59.409.323.232
Khác	68.104.290.169	238.945.391.966
TỔNG CỘNG	897.210.836.169	1.206.020.159.379

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	120.295.832.495	169.242.436.017
Khấu hao và hao mòn	82.617.380.977	77.033.125.346
Chi phí mua ngoài	71.172.395.743	88.892.324.149
Phí thuê và bảo trì	44.390.199.645	65.152.154.097
Dự phòng phải thu khó đòi	18.263.938.891	3.217.586.213
Khác	14.224.431.235	14.001.123.360
TỔNG CỘNG	350.964.178.986	417.538.749.182

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.340.474.918.160	2.186.929.212.008
Chi phí nhân công	574.035.172.194	797.399.900.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.844.193.320	683.503.647.577
Giá vốn hàng hóa	432.392.992.690	54.532.662.240
Chi phí khấu hao và hao mòn	174.976.445.311	228.177.812.126
Chi phí khác	149.128.634.801	479.846.200.340
TỔNG CỘNG	3.212.852.356.476	4.430.389.435.115

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	11.148.941.897	53.342.742.087
Thu nhập từ bán phế liệu	4.014.426.108	12.150.033.146
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.007.653.736	24.767.239.718
Thu nhập khác	4.126.862.053	16.425.469.223
Chi phí khác	(4.540.604.033)	(22.206.887.935)
Chi phí bán phế liệu	(3.079.558.961)	(8.495.782.014)
Chi phí khác	(1.461.045.072)	(13.711.105.921)
GIÁ TRỊ THUẦN	6.608.337.864	31.135.854.152

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.414.098.973.037	121.010.750.584
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.479.650.345)	4.823.411.040
TỔNG CỘNG	1.412.619.322.692	125.834.161.624

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.682.302.151.470	662.958.462.227
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	82.895.955.613	31.233.884.848
Khấu trừ của lợi thế thương mại	20.609.090.571	46.414.951.874
Khấu trừ của tài sản cố định vô hình định giá lại từ các hợp nhất kinh doanh	12.243.246.275	21.626.470.878
Lợi nhuận từ thanh lý công ty con	(108.224.726.202)	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(132.729.226.486)	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ công ty con	(200.000.000.000)	-
Các điều chỉnh khác	23.629.950.415	6.223.666.986
Thu nhập trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	6.380.726.441.656	768.457.436.813
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(2.526.796.680)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	6.380.726.441.656	765.930.640.133
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế	6.388.865.953.113	766.529.934.550
Lỗ thuế	(8.139.511.457)	(599.294.417)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	1.401.731.118.174	143.957.671.174
Thuế TNDN được miễn	(4.101.711.124)	(26.423.755.242)
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.397.629.407.050	117.533.915.932
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	16.469.565.987	3.476.834.652
Chi phí thuế TNDN trong năm	1.414.098.973.037	121.010.750.584
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	30.883.324.704	43.862.901.366
Thanh lý các công ty con	(5.905.758.270)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(581.862.133.219)	(133.990.327.246)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	857.214.406.252	30.883.324.704
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp	857.214.406.252	32.596.893.838
Thuế TNDN nộp thừa	-	(1.713.569.134)

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận các tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	26.181.389.754	26.431.040.676	3.850.261.468	1.227.187.968
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.925.094.942	6.811.318.348	(1.625.797.704)	(2.277.743.483)
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.760.000.000	(160.000.000)	-
Khác	86.614.608	821.242.536	(584.813.419)	(3.772.855.525)
TỔNG CỘNG	29.793.099.304	35.823.601.560	1.479.650.345	(4.823.411.040)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.823.601.560	40.647.012.600
Thanh lý các công ty con	(7.510.152.601)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm	1.479.650.345	(4.823.411.040)
Số cuối năm	29.793.099.304	35.823.601.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm KIDO Sài Gòn ("KDS")	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	388.094.524	25.784.989.038
Công ty TNHH Đầu tư KIDO ("KDI")	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	(60.077.763.508)	(44.201.853.036)
		Thu tiền vay	-	286.000.000.000
		Cho vay	-	(286.000.000.000)
Công ty Liên Doanh Sản Xuất Bao Bì Tong Yuan ("Tong Yuan")	Công ty liên quan	Mua bao bì	-	(32.667.011.738)
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam ("MKD")	Công ty liên kết	Phí thuê vào bảo trì	2.411.371.893	-
Công ty Cổ phần Địa ốc KIDO ("KDL")	Công ty liên quan	Thuế văn phòng	2.227.272.727	2.227.272.727
Công ty TNHH Mộ Thành viên Kinh Đô Miền Bắc ("NKD")	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	(27.107.324.069)	-
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng để bán	(165.583.676.230)	-
		Phí gia công	(6.158.610.410)	-
		Mua hàng để bán	(3.236.511.446)	-
Công ty Đầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(73.215.544.000)	-
		Phí gia công	(2.164.329.253)	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
KDS	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ	13.237.762.029	29.093.260.440
NKD	Công ty liên kết	Bán thành phẩm	28.917.075	-
KDL	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	-	1.475.506.794
			13.266.679.104	30.568.767.234
Phải thu ngắn hạn khác				
MKD	Công ty liên kết	Thanh lý tài sản cố định	910.644.505	-
		Chi hộ	460.247.772	-
KDS	Công ty liên quan	Chi hộ	16.462.654.547	-
NKD	Công ty liên kết	Chi hộ	550.000	-
KDI	Công ty liên quan	Chi hộ	-	1.450.000
			17.834.096.824	1.450.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
KDI	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	13.755.048.742
Phải trả người bán ngắn hạn				
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	(11.627.814.504)	-
GHC	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và phí gia công	(6.886.916.908)	-
NKD	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(5.177.066.842)	-
KDS	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(90.721.430)	(803.412.007)
MKD	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	(2.328.399)	-
Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	-	(11.288.817.589)
			(23.784.848.083)	(12.092.229.596)
Phải trả ngắn hạn khác				
MKD	Công ty liên kết	Chi hộ	(982.441.368)	-
KDI	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	(3.081.651.684)	-
			(4.064.093.052)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	28.994.381.810	44.103.825.316

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	56.889.724.624	54.810.143.295
Từ 1 đến 5 năm	125.387.350.339	168.147.573.881
Trên 5 năm	67.052.173.336	170.712.526.759
TỔNG CỘNG	249.329.248.299	393.670.243.935

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 380.895.943.000 VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con.

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	VNĐ		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.006.613.807.372	1.227.493.657.234	3.234.107.464.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	(59.858.341.957)	(34.124.375.772)	(93.982.717.729)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	510.821.332.656	3.550.161.529	514.371.494.185
	2.457.576.798.071	1.196.919.442.991	3.654.496.241.062
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(514.371.494.185)
Doanh thu trong năm			3.140.124.746.877
Lợi nhuận bộ phận	6.452.866.767.550	95.079.140.238	6.547.945.907.788
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			176.753.273.339
Chi phí lãi vay			(21.787.939.086)
Hao mòn lợi thế thương mại			(20.609.090.571)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6.682.302.151.470
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và hao mòn	145.995.554.660	28.980.890.651	174.976.445.311
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	18.292.158.022	(28.219.131)	18.263.938.891
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.320.572.518)	(495.215.066)	(7.815.787.584)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	262.700.000	-	262.700.000
Tài sản bộ phận	6.906.919.650.333	2.049.213.908	6.908.968.864.241
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu nội bộ			(184.859.821.854)
Tổng tài sản			6.724.109.042.387
Nợ phải trả bộ phận	1.358.157.500.528	185.239.097.383	1.543.396.597.911
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả nội bộ			(184.859.821.854)
Tổng nợ phải trả			1.358.536.776.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

	VND		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm trước			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.309.096.191.869	1.816.622.629.208	5.125.718.821.077
Các khoản giảm trừ doanh thu	(140.017.192.110)	(41.631.179.281)	(181.648.371.391)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	286.691.409.728	20.723.910.718	307.415.320.446
	3.455.770.409.487	1.795.715.360.645	5.251.485.770.132
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(307.415.320.446)
Doanh thu trong năm			4.944.070.449.686
Lợi nhuận bộ phận	300.940.302.272	290.198.327.722	591.138.629.994
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			138.966.526.733
Chi phí lãi vay			(20.731.742.626)
Hao mòn lợi thế thương mại			(46.414.951.874)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			662.958.462.227
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	165.706.923.684	62.470.888.442	228.177.812.126
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.350.343.280)	1.280.800.000	(69.543.280)
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.194.582.724)	1.709.453.413	(2.485.129.311)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.090.959.501)	-	(1.090.959.501)
Tài sản bộ phận	6.898.163.907.442	866.195.831.152	7.764.359.738.594
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(169.109.822.696)
Tài sản không phân bổ			280.626.594.565
Tổng tài sản			7.875.876.510.463
Nợ phải trả bộ phận	1.365.918.146.207	391.376.997.354	1.757.295.143.561
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(169.109.822.696)
Tổng nợ phải trả			1.588.185.320.865

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	VND		
	Số đầu năm (trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Các khoản đầu tư ngắn hạn	708.106.299.143	(708.106.299.143)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	8.299.143	8.299.143
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	700.098.000.000	700.098.000.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.005.593.543)	8.005.593.543	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(5.593.543)	(5.593.543)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.217.586.213)	(8.000.000.000)	(11.217.586.213)
Phải thu ngắn hạn khác	538.297.499.600	4.913.881.282	543.211.380.882
Tài sản ngắn hạn khác	4.913.881.282	(4.913.881.282)	-
Trả trước cho người bán	69.329.681.247	(69.329.681.247)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	48.574.973.685	48.574.973.685
Trả trước cho người bán dài hạn	-	20.754.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác	-	13.133.206.960	13.133.206.960
Tài sản dài hạn khác	13.133.206.960	(13.133.206.960)	-
Phải trả dài hạn khác	52.303.953.962	(39.040.948.102)	13.263.005.860
Dự phòng phải trả dài hạn	-	39.040.948.102	39.040.948.102
Quỹ đầu tư phát triển	25.370.280.515	25.792.635.752	51.162.916.267
Quỹ dự phòng tài chính	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-
			VND
	Năm trước (trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Năm trước (được phân loại lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Các khoản giảm trừ doanh thu	(173.055.897.638)	(8.592.473.753)	(181.648.371.391)
Chi phí bán hàng	(1.214.612.633.132)	8.592.473.753	(1.206.020.159.379)
Thu nhập khác	63.331.885.612	(9.989.143.525)	53.342.742.087
Chi phí khác	(32.196.031.460)	9.989.143.525	(22.206.887.935)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Giảm các khoản phải thu	256.736.002.655	(334.479.251)	256.401.523.404
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	2.141.984.214	(2.141.984.214)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(26.596.945.646)	2.476.463.465	(24.120.482.181)
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(286.000.000.000)	(700.000.000.000)	(986.000.000.000)
Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	(1.588.517.220.554)	700.000.000.000	(888.517.220.554)

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	89.808	2.762.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

33. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

a. Chuyển nhượng mảng bánh kẹo

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 79,92% vốn cổ phần tại MKD cho Cadbury Enterprises Pte., Ltd. ("Cadbury") như đã được cổ đông chấp thuận và thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014. Việc chuyển nhượng này làm giảm quyền sở hữu của Tập đoàn trong MKD từ 99,92% xuống còn 20%. Theo đó, Tập đoàn không còn quyền kiểm soát đối với MKD và ghi nhận khoản đầu tư vào MKD như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Tập đoàn cũng đồng thời mất quyền kiểm soát đối với NKD, một công ty con của MKD.

b. Sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico")

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2015, Vinabico đã được sáp nhập vào KDC theo hợp đồng sáp nhập ngày 31 tháng 1 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 ngày 26 tháng 2 năm 2015. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Vinabico được chuyển giao cho KDC.

c. Mua lại cổ phiếu quỹ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận và thông qua kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ với mức lên đến 30% tổng lượng cổ phiếu mà Công ty đã phát hành, nhằm làm giảm số lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành.

Ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 7.024.048 cổ phiếu quỹ trị giá 347.657.251.200 VNĐ. Theo đó, Công ty đã mua 20.000.000 cổ phiếu quỹ với tổng trị giá là 1.000.857.239.200 VNĐ theo kế hoạch trên. Công ty cũng đã gửi Báo cáo về kết quả của việc mua lại cổ phiếu quỹ cho UBCKNN.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 29.500.000 cổ phiếu quỹ trị giá 805.169.501.962 VNĐ theo kế hoạch trên. Công ty cũng đã gửi Báo cáo về kết quả của việc mua lại cổ phiếu quỹ cho UBCKNN.

d. Thay đổi tên Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015 ngày 26 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Kinh Đô thành Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO nhằm mục đích đạt được kết quả nổi bật từ định hướng chiến lược kinh doanh mới của Công ty.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 22 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi nêu trên.

e. Thành lập công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã nhận được Giấy CNĐKKD số 0313172800 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận thành lập một công ty con – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ. Hoạt động chính của công ty này là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa góp vốn vào công ty con này.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016